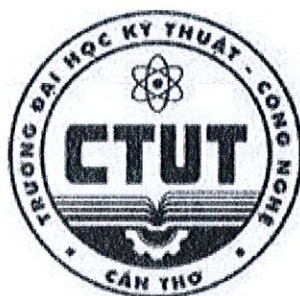


ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ



CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Trình độ đào tạo : **Đại học**
Ngành đào tạo : **Luật**
Tên tiếng Anh : **Law**
Mã ngành : **7380101**
Loại hình đào tạo : **Chính quy**
Hình thức đào tạo : **Tập trung**

Cần Thơ, 2023

CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

(Ban hành theo quyết định số: 913/QĐ-ĐHKTCN ngày 31 tháng 12 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ)

1. THÔNG TIN CHUNG

- Tên chương trình bằng tiếng Việt: Luật
- Tên chương trình bằng tiếng Anh: Law
- Mã ngành: 7380101
- Tên văn bằng: Cử nhân
- Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Hình thức đào tạo: Tập trung
- Thời gian đào tạo: 4,0 năm
- Số tín chỉ: 130 (không tính các học phần điều kiện: Giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất: 11TC)
- Đơn vị quản lý: Khoa Khoa học xã hội
- Website: <http://khoakhxh.ctuet.edu.vn>
- Ngày ban hành: 2022

2. TẦM NHÌN SỨ MẠNG VÀ TRIẾT LÝ GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG

2.1 Tầm nhìn

- **Tầm nhìn của trường:** Đến năm 2030, Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ trở thành trường đại học theo định hướng ứng dụng liên ngành kỹ thuật công nghệ phù hợp với xu thế phát triển trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- **Tầm nhìn của Khoa:** Đến năm 2030, Khoa Khoa học xã hội trở thành Khoa đầu ngành của trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ thực hiện nhiệm vụ đào tạo, ứng dụng nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Ngoại ngữ và pháp lý, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội thời kỳ Cách mạng công nghệ công nghiệp 4.0.

2.2 Sứ mạng

- **Sứ mạng của Trường:** Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực có đạo đức tốt, có chuyên môn cao, có khả năng tiếp cận nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, đáp ứng nhu cầu phát triển của thành phố Cần Thơ, vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

- **Sứ mạng của Khoa:** Khoa Khoa học xã hội là đơn vị đào tạo nguồn nhân lực có đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn cao, có khả năng tiếp cận, ứng dụng nghiên cứu khoa học tốt trong lĩnh vực Pháp lý và Ngôn ngữ Anh, đáp ứng nhu cầu phát triển của thành phố Cần Thơ, vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

2.3. Triết lý giáo dục

Đức trí - Kỹ năng - Sáng tạo - Hội nhập

2.4. Giá trị cốt lõi

Chất lượng - Sáng tạo - Năng động - Phát triển

3. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO (POs)

3.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Luật có phẩm chất chính trị, ý thức trách nhiệm xã hội, đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe, có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, có tính kỷ luật cao, đáp ứng tốt nhu cầu về nhân lực có chất lượng, chuyên nghiệp trong lĩnh vực pháp lý của thị trường lao động. Đồng thời, chương trình đào tạo này còn giúp người học có kỹ năng ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin, giao tiếp xã hội,... đáp ứng yêu cầu công việc và mục tiêu học tập suốt đời.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Ngành Luật của ĐHKTCN nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội, tạo ra môi trường học tập có chất lượng để người học phát huy hết tiềm năng và trải nghiệm quá trình học tập trọn vẹn; đồng thời mở ra cơ hội cung cấp đội ngũ cử nhân Luật được đào tạo bài bản từ kiến thức đến kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp; phục vụ nhân lực, bảo vệ chế độ pháp lý, phục vụ nhu cầu phát triển thành phố Cần Thơ, ĐBSCL và cả nước

Mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật là trang bị cho người học đầy đủ kiến thức từ kinh tế học căn bản đến chuyên môn sâu trong lĩnh vực pháp lý, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực tự chủ và trách nhiệm làm nền tảng vững chắc cho sự thành công trong hoạt động có liên quan đến lĩnh vực lý tại các cơ quan nhà nước, văn phòng luật sư, văn phòng công chứng, doanh nghiệp và tổ chức khác.

Mục tiêu cụ thể như sau:

3.2.1. Kiến thức:

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật trang bị các kiến thức cần thiết giúp sinh viên có những kiến thức sau:

PO1: Có kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, kinh tế, văn hóa, lịch sử, xã hội, tâm lý con người là nền tảng cho việc tiếp nhận, nghiên cứu và phát triển tri thức về nhà nước và pháp luật để phục vụ phát triển nghề nghiệp và tự hoàn thiện bản thân của người học.

PO2: Trang bị các khối kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành gồm kiến thức lý luận và thực tiễn về nhà nước và pháp luật nói chung; kiến thức chuyên sâu về pháp luật và thực tiễn pháp lý Việt Nam hiện hành thuộc các lĩnh vực pháp luật cơ bản cho phép người học có thể vận dụng để giải quyết các vấn đề pháp lý trong các lĩnh vực pháp luật về hành chính, hình sự, dân sự, kinh tế, quốc tế.

3.2.2. Kỹ năng:

PO3: Tư duy sáng tạo, phương pháp làm việc khoa học, khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm. Kỹ năng giao tiếp hiệu quả, báo cáo và thuyết trình ý tưởng.

PO4: Giúp người học phát triển kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm cần thiết để làm việc hiệu quả trong môi trường hội nhập

và đa văn hóa, đặc biệt là trong môi trường làm việc thuộc các lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn tương xứng với vị trí nghề nghiệp.

3.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm:

PO5: Đào tạo năng lực tự nghiên cứu, làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với tập thể trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức thuộc ngành Luật. Có khả năng khởi nghiệp trong nghề luật.

PO6: Có phẩm chất nghề nghiệp cần thiết của một luật gia: trung thực, năng động, tự tin, có trách nhiệm và ý thức phục vụ cộng đồng, hòa hợp và cầu thị; dám nghĩ, dám làm và biết đương đầu với rủi ro; có tinh thần thượng tôn pháp luật, phụng sự công lý; công bằng, liêm chính và nhân văn; có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học, trách nhiệm với công việc..

3.3. Trình độ ngoại ngữ, tin học

Thực hiện theo quy định hiện hành của nhà Trường về chuẩn đầu ra ngoại ngữ và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên đại học chính quy (Quyết định số 487/QĐ-ĐHKTCN ngày 06 tháng 11 năm 2020).

3.4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân ngành Luật có thể tham gia các hoạt động áp dụng pháp luật để giải quyết các vấn đề pháp lý tại Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan thi hành án, Văn phòng Thừa phát lại và các cơ quan tư pháp khác; tham gia các công việc có liên quan đến pháp lý, pháp chế tại các cơ quan thông tấn, truyền thông như phóng viên, biên tập viên về pháp luật; thực hiện các công việc về pháp lý tại các cơ quan nhà nước và tư nhân khác, các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng, trung cấp... Tư vấn luật, trợ giúp pháp lý, bảo vệ quyền lợi cho khách hàng. Tham gia giảng dạy, nghiên cứu trong lĩnh vực pháp luật.

3.5. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp chuyên ngành Luật có khả năng học tập nâng cao trình độ: Thạc sĩ, Tiến sĩ.

3.6. Các chương trình tham khảo trong nước

Chương trình đào tạo ngành Luật của một số trường đại học uy tín trong nước như Trường Đại học Cần Thơ, Trường Đại học Kinh tế Luật - Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

4. CHUẨN ĐẦU RA

Chương trình được thiết kế để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra về kiến thức như sau:

4.1. Kiến thức

K1. Vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội - nhân văn, khoa học chính trị và pháp luật, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng làm nền tảng cho việc tiếp thu kiến thức chuyên ngành Luật

K2. Vận dụng được kiến thức ngoại ngữ, công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc hằng ngày trong cuộc sống và nghiệp vụ thuộc lĩnh vực pháp lý.

K3. Phân tích và tích hợp được những cơ sở lý thuyết, kiến thức chuyên sâu về pháp

luật và thực tiễn pháp lý Việt Nam hiện hành thuộc các lĩnh vực pháp luật cơ bản và chuyên ngành.

K4. Phân tích và tích hợp được các kiến thức liên ngành về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, địa lý, khoa học công nghệ, luật pháp ... góp phần tích cực vào nghiên cứu, thực hiện pháp luật.

K5. Vận dụng được kiến thức chuyên ngành để giải quyết các vấn đề pháp lý trong các lĩnh vực pháp luật liên quan.

K6. Vận dụng và phân tích một cách hiệu quả kiến thức Luật để tư vấn luật, trợ giúp pháp lý, bảo vệ quyền lợi cho khách hàng.

4.2. Kỹ năng

S1. Đạt trình độ ngoại ngữ ở bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Đạt được trình độ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản

S2. Cho thấy khả năng tìm kiếm, phân tích và đánh giá các văn bản pháp luật có liên quan đến công việc của mình.

S3. Thể hiện năng lực tư duy phản biện, lập luận và tranh luận; phân tích các tình huống pháp lý từ thực tiễn và đưa ra giải pháp chuyên môn để giải quyết.

S4. Cho thấy khả năng tư vấn, giao tiếp, trình bày những giải pháp phức tạp, giải pháp thay thế,... thông qua các báo cáo thuyết trình chuyên môn xây dựng lập luận pháp lý và bảo vệ quan điểm cá nhân trong thực hành nghề luật.

S5. Cho thấy khả năng đàm phán và soạn thảo các văn bản có tính pháp lý phục vụ cho các công việc thuộc lĩnh vực pháp luật liên quan đến công việc đảm nhiệm.

S6. Có kỹ năng nghiên cứu, đánh giá tính hợp lý của luật thực định trong mối quan hệ với lý luận, phát hiện và giải quyết các vấn đề từ đơn giản đến phức tạp thuộc lĩnh vực khoa học pháp lý.

4.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

C1. Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. Đồng thời, phối hợp làm việc theo nhóm trong môi trường luôn thay đổi và phát triển, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

C2. Tổ chức được quy trình hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định trong các hoạt động chuyên môn về lĩnh vực pháp lý.

C3. Tham gia lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, quản lý thời gian trong các hoạt động chuyên môn về lĩnh vực pháp lý.

5. MA TRẬN LIÊN KẾT GIỮA MỤC TIÊU VÀ CDR CTĐT

Ma trận mục tiêu (POs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (K-S-C) được trình bày ở Bảng 1.

Bảng 1. Ma trận mục tiêu (POs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (K-S-C)

Chuẩn đầu ra		Kiến thức		Kỹ năng		Mức tự chủ và trách nhiệm	
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6
Kiến thức	K1	x					
	K2	x					
	K3		x		x		
	K4		x		x		
	K5		x		x		
	K6		x		x		
Kỹ năng	S1				x		
	S2			x	x	x	
	S3				x		
	S4				x		
	S5			x	x		
	S6				x		
Mức tự chủ và trách nhiệm	C1					x	x
	C2					x	
	C3					x	

6. TIÊU CHÍ TUYỂN SINH

6.1 Thông tin tuyển sinh

Căn cứ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo Đề án tuyển sinh năm 2022 của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ (www.ctuet.edu.vn).

Vùng tuyển sinh: Thành phố Cần Thơ, vùng ĐBSCL và cả nước.

Đối tượng tuyển sinh: Các thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT).

Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2023: 80

6.2. Phương thức tuyển sinh

- Phương thức 1: Sử dụng kết quả học bạ THPT. Tổng điểm trung bình 3 (ba) môn trong tổ hợp xét tuyển (của cả năm lớp 10, lớp 11, và học kỳ I lớp 12) hoặc cả năm lớp 12 đạt từ 18 điểm trở lên (làm tròn đến số thập phân thứ 2).

- Phương thức 2: Sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT. Tổng điểm 3 (ba) môn thi tốt nghiệp THPT trong tổ hợp xét tuyển đạt từ 18 điểm trở lên.

- Phương thức 3: Sử dụng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2022 của Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh đạt từ 600 điểm trở lên.

6.3. Tổ hợp xét tuyển:

Khối C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý

Khối D01: Toán, Tiếng Anh, Ngữ văn

Khối D14: Tiếng Anh, Ngữ văn, Lịch sử

Khối D15: Tiếng Anh, Ngữ văn, Địa lý

6.4. Hình thức đăng ký xét tuyển và nộp hồ sơ

- Thí sinh đăng ký xét tuyển theo hướng dẫn của Trường, đồng thời nhập thông tin đăng ký xét tuyển vào Trường trên Cổng tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thí sinh gửi hồ sơ đăng ký xét tuyển trực tiếp tại Trường hoặc gửi qua đường bưu điện về địa chỉ: Phòng Đào tạo, Trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ: Số 256 Nguyễn Văn Cừ, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

7. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

- Chương trình đào tạo được thiết kế gồm 08 học kỳ tương ứng với 4 năm học, gồm 130 tín chỉ (không tính các học phần điều kiện: Giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất: 11 TC). Trong đó, thời gian học tập chính thức 4 năm, thời gian học tập tối đa là 08 năm.

8. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

- Tại thời điểm tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Tích lũy đủ học phần và số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo; đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin theo quy định hiện hành của Nhà trường.

- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên (theo thang điểm 4);

- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh, chứng chỉ Giáo dục thể chất.

9. RUBRIC ĐÁNH GIÁ

Rubric đánh giá trình bày luận văn được thể hiện ở Bảng 2

- **Bảng 2. Rubric đánh giá trình bày Khóa luận tốt nghiệp**

Tiêu chí đánh giá	Nội dung đánh giá	Kém	Trung bình	Khá	Giỏi	Điểm tối đa
1. Hình thức: đúng theo hướng dẫn của Quyết định 239/QĐ-ĐHKTCN năm 2016		Trình bày không đúng theo hướng dẫn.	Trình bày theo hướng dẫn, nhưng mắc nhiều lỗi chính tả, format bài viết không thống nhất	Trình bày theo hướng dẫn, ít lỗi chính tả, format thống nhất	Trình bày theo hướng dẫn, không có lỗi chính tả, format thống nhất	1
2. Tính mới của đề tài		Đề tài không có tính mới	Đề tài không có tính mới	Đề tài nghiên cứu có tính mới	Đề tài nghiên cứu có tính mới, thể hiện tính sáng tạo	1
3. Nội dung: Vận dụng kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành để tiến hành	Đánh giá tổng quan	+ Báo cáo nhiều lỗi và không chính xác về kiến thức. + Không cung cấp bảng biểu, dữ liệu để	+ Vận dụng kiến thức cơ sở ngành để viết tổng quan vấn đề nghiên cứu chính xác về kiến thức có vài sai sót	+ Vận dụng kiến thức cơ sở ngành để viết tổng quan vấn đề nghiên cứu chính xác về kiến thức tuy nhiên có	+ Vận dụng kiến thức cơ sở ngành để viết tổng quan vấn đề nghiên cứu chính xác về kiến thức có trình tự và	6

Tiêu chí đánh giá	Nội dung đánh giá	Kém	Trung bình	Khá	Giỏi	Điểm tối đa
phân tích, giải thích thực trạng, phân tích nguyên nhân và đưa ra giải pháp cho vấn đề phân tích		minh họa và giải thích các vấn đề + Không thể đánh giá hạn chế và đề xuất hướng giải quyết. + Tài liệu tham khảo có chất lượng thấp hoặc đã bị bỏ qua. + Định dạng và cách bố trí không nhất quán và không phù hợp yêu cầu.	nhỏ trong kiến thức; + Giải quyết vấn đề dựa trên các minh họa hình vẽ, bảng biểu, số liệu tuy nhiên quá ít dữ liệu; + Đánh giá được hạn chế và đề xuất hướng giải quyết tuy nhiên chưa đầy đủ; + Giải quyết vấn đề dựa trên cơ sở của các công trình nghiên cứu, tạp chí chuyên ngành tuy nhiên có ít tài liệu có giá trị và không có tính mới;	một vài thiếu sót không quan trọng về kiến thức hoặc không liên quan nhiều đến vấn đề nghiên cứu; + Giải quyết vấn đề dựa trên các minh họa hình vẽ, bảng biểu, số liệu mức độ vừa đủ; + Đánh giá được hạn chế và đề xuất hướng giải quyết tuy nhiên còn thiếu một vài đánh giá nhỏ; + Giải quyết vấn đề dựa trên cơ sở tham khảo các công trình nghiên cứu, tạp chí	logic + Giải quyết vấn đề dựa trên các minh họa hình vẽ, bảng biểu, số liệu đầy đủ khoa học; + Đánh giá được hạn chế và đề xuất hướng giải quyết đầy đủ; + Giải quyết vấn đề dựa trên cơ sở tham khảo các công trình nghiên cứu, tạp chí chuyên ngành, tài liệu có giá trị và nhiều tạp chí chuyên ngành bằng tiếng anh mới	
	Phản mở đầu	+ Không chỉ ra được tính mới của nghiên cứu; + Không viết được nội dung nghiên cứu; + Viết không rõ ràng tính cấp thiết của nghiên cứu	+ Nêu nguyên nhân chọn khóa luận nhưng chưa hoàn toàn thuyết phục + Xác định được nội dung nghiên cứu nhưng chưa đầy đủ và phù hợp quy mô của khóa luận	+ Nêu nguyên nhân chọn khóa luận viết ngắn gọn thuyết phục. + Xác định được nội dung nghiên cứu với quy mô khóa luận vừa đủ.	+ Nêu nguyên nhân, tính cấp thiết để chọn đề tài và viết ngắn gọn thuyết phục. + Xác định được nội dung nghiên cứu với quy mô khóa luận; + Đánh giá được tính mới của nghiên cứu.	1
	Phương pháp	Không có phương pháp	Có phương pháp nghiên	Có phương pháp nghiên	Có phương pháp nghiên	1

Tiêu chí đánh giá	Nội dung đánh giá	Kém	Trung bình	Khá	Giỏi	Điểm tối đa
	nghiên cứu	nghiên cứu phù hợp nội dung nghiên cứu;	cứu tổng quát	cứu phù hợp	cứu phù hợp, chi tiết cho vấn đề nghiên cứu	
	Thiết kế mô hình nghiên cứu	Không có mô hình đề xuất;	Đề xuất được quy trình thực nghiệm/thiết kế được mô hình	Đề xuất được quy trình thực nghiệm/thiết kế được mô hình	Đề xuất được quy trình thực nghiệm/thiết kế được mô hình	1
	Phân tích, đánh giá các số liệu thực nghiệm và kết quả nghiên cứu	+ Không phân tích được số liệu thực nghiệm; + Không có phân tích các vấn đề cần giải quyết, hầu hết chỉ là số liệu thực nghiệm và không có độ tin cậy cao. + Không đưa ra kết luận.	+ Phân tích được số liệu tuy nhiên không đủ độ tin cậy hoặc không nhiều số liệu được phân tích; + Đánh giá có sử dụng nhưng không nhiều các phép phân tích xử lý số liệu thực nghiệm; + Phân tích không nhiều về các vấn đề cần giải quyết, hầu hết chỉ là số liệu thực nghiệm nhưng không có độ tin cậy cao. + Chưa đưa ra được kết luận từ phân tích hoặc các kết luận không thuyết phục. + Không đánh giá được giới hạn của vấn đề và đề xuất vấn đề nghiên cứu tiếp theo.	+ Phân tích được hầu hết các số liệu thực nghiệm/thiết kế; + Đánh giá có sử dụng hầu hết các phép phân tích xử lý số liệu thực nghiệm; + Phân tích ở mức độ sâu về các vấn đề cần giải quyết tuy nhiên có vài lỗi nhưng không quan trọng + Các kết luận đưa ra hầu hết đều dựa trên phân tích/ giải thích của tác giả tuy nhiên có một số kết luận chưa có tính thuyết phục cao. + Chưa đánh giá được các yếu tố giới hạn của vấn đề nghiên cứu; + Chưa đề xuất được giải pháp hoặc các	+ Phân tích hoàn chỉnh các số liệu thực nghiệm/thiết kế; + Đánh giá toàn bộ các kết quả thu nhận từ thực nghiệm bằng các phép phân tích xử lý số liệu thực nghiệm hoặc các kết quả giải thích của tác giả cho thấy tác giả đã nghiên cứu sâu vấn đề bàn luận; + Phân tích một cách tổng thể cho thấy tác giả đã giải quyết hoàn chỉnh vấn đề nghiên cứu; + Phân tích, đánh giá và tổng hợp được các kết quả từ các kết luận có tính thuyết phục cao. + Đánh giá được các yếu tố giới hạn của vấn đề nghiên cứu;	3

Tiêu chí đánh giá	Nội dung đánh giá	Kém	Trung bình	Khá	Giỏi	Điểm tối đa
				vấn đề nghiên cứu tiếp theo.	+ Đề xuất được giải pháp/các vấn đề nghiên cứu tiếp theo. + Đánh giá kết quả nghiên cứu có tính mới.	
					+ Sử dụng nhiều tài liệu chuyên môn thuộc lĩnh vực nghiên cứu có tính mới (10-15 tài liệu) và có ít nhất một tài liệu hiện hành; + Cập nhật được các phương pháp phân tích mới, thiết kế mô hình cho vấn đề đang phân tích + Đánh giá kiến thức thu được từ nghiên cứu là mới hoàn toàn (chưa công bố)	
4. Cập nhật kiến thức mới trong ngành Luật	Tổng quan, thực nghiệm và kết quả	+ Sử dụng tài liệu chuyên môn thuộc lĩnh vực nghiên cứu cũ; + Không cập nhật vấn đề phân tích mới, mang tính thời sự	+ Sử dụng rất ít tài liệu (< 5 tài liệu) chuyên môn thuộc lĩnh vực nghiên cứu có tính mới; + Không cập nhật vấn đề phân tích mới, mang tính thời sự	+ Sử dụng nhiều tài liệu chuyên môn thuộc lĩnh vực nghiên cứu có tính mới (5 - 10 tài liệu); + Cập nhật được phương pháp hoặc mô hình nghiên cứu mới thuộc vấn đề phân tích.		1
5. Tuân thủ các giá trị đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực Pháp luật	Trung thực trong công việc nghiên cứu, tuân thủ bản quyền các sản phẩm trí tuệ.	Thấp hơn mức trung bình	+ Trung thực phần lớn các dữ liệu nhất quán với nhau và trung thực trong xử lý số liệu; + Trung thực với trích dẫn các tạp chí chuyên ngành, sách tham khảo, khóa luận;	+ Trung thực và nhất quán dữ liệu trong xử lý số liệu; + Trung thực với trích dẫn các tạp chí chuyên ngành, sách tham khảo, khóa luận; + Sử dụng đúng mục đích và tuân thủ các yêu cầu về bản	+ Trung thực, khách quan trong xử lý số liệu; + Trung thực với trích dẫn các tạp chí chuyên ngành, sách tham khảo, khóa luận; + Sử dụng đúng mục đích và tuân thủ các	1

Tiêu chí đánh giá	Nội dung đánh giá	Kém	Trung bình	Khá	Giỏi	Điểm tối đa
			+ Sử dụng đúng mục đích và tuân thủ các yêu cầu về bản quyền trong nghiên cứu; + Nộp bài đúng hạn.	quyền trong nghiên cứu; + Nộp bài đúng hạn.	yêu cầu bản quyền trong nghiên cứu; + Nộp bài đúng hạn.	

10. HỆ THỐNG TÍNH ĐIỂM

Kết quả học phần được tính theo thang điểm A⁺, A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D, F và quy về thang điểm 4 theo Quyết định số 400/QĐ-ĐHKTCN ngày 01 tháng 9 năm 2021.

Loại	Điểm hệ số 10	Điểm chữ	Điểm hệ số 4
a. Loại đạt (tích lũy)	9,5 – 10	A ⁺	4,0
	8,5 – 9,4	A	3,8
	8,0 – 8,4	B ⁺	3,5
	7,0 – 7,9	B	3,0
	6,5 – 6,9	C ⁺	2,5
	5,5 – 6,4	C	2,0
	5,0 – 5,4	D ⁺	1,5
	4,0 – 4,9	D	1,0
b. Loại không đạt	0,0 – 3,9	F	0,0

Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A: điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy

a_i: điểm của học phần thứ i

n_i: số tín chỉ của học phần thứ i

n: là tổng số học phần

Xếp loại tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học như sau:

Xếp loại tốt nghiệp	Thang điểm hệ 4
Xuất sắc	3,60 đến 4,00

Giỏi	3,20 đến 3,59
Khá	2,50 đến 3,19
Trung bình	2,00 đến 2,49

11. SƠ ĐỒ CÂY

Hướng dẫn về các ký hiệu sử dụng trên sơ đồ vận hành CTĐT:

- Chương trình giáo dục được xây dựng trọn vẹn để vận hành theo học chế tín chỉ. Bản sơ đồ CTĐT trong phần tiếp theo sắp xếp các môn học theo trình tự học kỳ của khóa đào tạo - tuy nhiên đây chỉ là trình tự học mà Khoa và Trường khuyến cáo sinh viên nên tuân theo để thuận lợi nhất cho việc tiếp thu kiến thức.

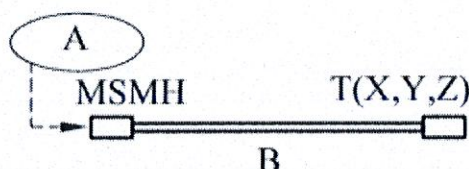
- Chương trình giáo dục được cập nhật liên tục trong suốt quá trình đào tạo sẽ được Khoa công bố và cập nhật chính thức trong các cuốn sổ tay sinh viên mỗi học kỳ.

Mỗi học phần được biểu diễn bằng một “dải băng” – dạng ký hiệu:

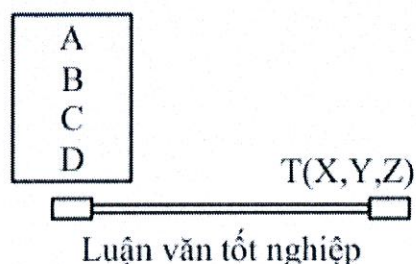


- Thông tin cơ bản của môn học được ghi phía trên dải với cấu trúc mã học phần và T(X,Y,Z) trong đó T là số tín chỉ, X là số giờ lý thuyết trong một tuần chuẩn (quy ước học kỳ có 15 tuần), Y là số giờ bài tập-thực hành-thảo luận trong 1 tuần, Z là số giờ mà một sinh viên trình độ trung bình phải đầu tư cho tự học-tự chuẩn bị bài trong 1 tuần (tính trung bình suốt học kỳ và bao gồm cả thời gian dành cho việc chuẩn bị kỳ kiểm tra, kỳ thi cuối khóa).

- Biểu diễn ràng buộc tiên quyết giữa các môn học (mũi tên liền nét) – môn A là môn tiên quyết của môn B:



- Các môn học thay thế khóa tốt nghiệp hoặc khóa luận tốt nghiệp (học phần tốt nghiệp nói chung) luôn có nhiều ràng buộc riêng và không thể biểu diễn đầy đủ trên các sơ đồ tiến trình này. Lưu đồ biểu diễn các học phần tự chọn A, B, C, D của nhóm tự chọn kiến thức cơ sở ngành trong hình chữ nhật.



- Căn cứ theo mã số của môn học sinh viên có thể tra cứu ngay trong phần cuối

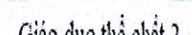
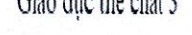
chương trình ngành Luật để tìm thấy nội dung giới thiệu tóm tắt về môn học.

Bảng 3.SƠ ĐỒ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

HK1 (15 TC)	HK2 (17 TC)	HK3 (16 TC)	HK4 (17 TC)
CB040 3(3,0,6)  Triết học Mác - Lênin			
KL003 4(4,0,8)  Lý luận nhà nước và pháp luật			
KL004 2(2,0,4)  Lịch sử các học thuyết pháp lý			
KL005 2(2,0,4)  Luật Hiến pháp			
CB023 4(4,0,8)  Anh văn căn bản 1			

	CB040 CB041 2(2,0,4) Kinh tế chính trị Mác-Lênin KL009 3(3,0,6) Luật hành chính KL003 KL007 2(2,0,4) Luật dân sự 1 KL008 3(3,0,6) Luật hình sự 1 KL001 2(2,0,4) Logic học đại cương CB023 CB024 3(3,0,6) Anh văn căn bản 2 CB038 KL002 CB005 2(2,0,4) Tự chọn (Đại cương) (Xem phần R1)	CB041 CB042 2(2,0,4) Chủ nghĩa xã hội khoa học KL007 KL019 2(2,0,4) Luật dân sự 2 KL008 KL020 2(2,0,4) Luật hình sự 2 KL007 KL021 2(2,0,4) Luật hôn nhân và gia đình KL003 KL010 3(3,0,6) Luật lao động CB024 CB025 3(3,0,6) Anh văn căn bản 3 TT092 2(1,1,4) Tin học căn bản	CB042 CB043 2(2,0,4) Tư tưởng Hồ Chí Minh KL073 KL013 3(3,0,6) Luật thương mại KL032 3(3,0,6) Luật Thuế KL013 KL029 3(3,0,6) Pháp luật về chủ thể kinh doanh KL028 2(2,0,4) Luật đầu tư KL009 KL024 2(2,0,4) Luật tổ tụng hành chính CB049 CB039 CB012 2(2,0,4) Tự chọn (Đại cương) (Xem phần R2)
HK5 (16 TC)	HK6 (16 TC)	HK7 (16 TC)	HK8 (17 TC)

CB043 CB044 2(2,0,4) Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam KL005 KL009 KL013 KL014 2(2,0,4) Luật tài chính nhà nước KL019 KL022 3(3,0,6) Luật tổ tụng dân sự KL03 2(2,0,4) Pháp luật về phòng chống tham nhũng KL007 KL009 KL011 3(3,0,6) Luật đất đai KL003 KL006 2(2,0,4) Luật so sánh KL007 KL009 KL012 2(2,0,4) Luật môi trường	KL005 KL026 2(2,0,4) Công pháp quốc tế KL013 KL025 3(3,0,6) Luật thương mại quốc tế KL013 KL019 KL034 3(3,0,6) Luật ngân hàng KL020 KL023 3(3,0,6) Luật tố tụng hình sự KL016 KL017 KL018 2(2,0,4) Tự chọn (Cơ sở) (Xem phần R3) KL048 KL045 KL046 KL047 4(4,0,8) Tự chọn (Chuyên ngành) (Xem phần R4)	KL003 KL019 KL036 3(3,0,6) Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng KL013 KL022 KL026 KL027 2(2,0,4) Tư pháp quốc tế KL019 KL035 2(2,0,4) Pháp luật về giao dịch bảo đảm KL011 KL030 2(2,0,4) Pháp luật về quy hoạch và giải phóng mặt bằng KL015 2(2,0,4) Phương pháp nghiên cứu khoa học luật KL038 KL039 KL040 2(2,0,4) Tự chọn (Chuyên ngành) (Xem phần R5) KL041 KL042 KL043 KL044 4(4,0,8) Tự chọn (Chuyên ngành) (Xem phần R6)	KL051 KL052 KL053 KL054 KL055 10(10,0,12) Thực tập tốt nghiệp. Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp (Xem phần R7) KL031 2(2,0,4) Lý luận pháp luật và quyền con người KL009 KL013 KL019 KL020 KL037 3(3,0,6) Kỹ năng tư vấn pháp luật
HỌC KỲ PHỤ (11 TC)	Phần R1 (02 TC)	Phần R2 (02 TC)	Phần R3 (02 TC)

CB050 2(2,0,4)  Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 CB051 2(2,0,4)  Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 CB052 2(1,1,4)  Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 CB053 2(0,2,4)  Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 CB035 1(0,1,2)  Giáo dục thể chất 1 CB036 1(0,1,2)  Giáo dục thể chất 2 CB037 1(0,1,2)  Giáo dục thể chất 3	CB038 2(2,0,4)  Tiếng việt thực hành KL002 2(2,0,4)  Tâm lý học đại cương CB005 2(2,0,4)  Văn bản và lưu trữ đại cương	CB049 2(2,0,4)  Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp CB039 2(2,0,4)  Cơ sở văn hóa Việt nam CB012 2(2,0,4)  Kỹ năng giao tiếp	CB038  Kỹ năng soạn thảo văn bản CB025  Anh văn chuyên ngành Luật KL002  Tâm lý học tư pháp
Phần R4 (04 TC)	Phần R5 (02 TC)	Phần R6 (04 TC)	Phần R7 (12 TC)

KL048 2(2,0,4)  Thực hành nghề luật KL045 2(2,0,4)  Luật an ninh mạng KL046 2(2,0,4)  Pháp luật về trọng tài thương mại KL047 2(2,0,4)  Luật Đấu Thầu	KL013  Luật chứng khoán KL011 KL013  Pháp luật về kinh doanh bất động sản KL013  Luật thương mại điện tử	KL041 2(2,0,4)  Pháp luật công chứng - luật sư - thừa phát lại - đầu giả KL042 2(2,0,4)  Đạo đức nghề luật KL020  Luật hình sự quốc tế KL013  Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm	KL049 12(0,12,24)  Thực tập tốt nghiệp KL050 10(10,0,12)  Khóa luận tốt nghiệp KL013  Pháp luật về an sinh xã hội KL009  Pháp luật về hộ tịch KL013  Pháp luật về kinh doanh dịch vụ Logistics KL019  Pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ KL055 2(2,0,4)  Nghiep vụ tòa án
---	---	--	--

12. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Nội dung chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ được trình bày ở Bảng 4.

Bảng 4. Nội dung chương trình đào tạo ngành Luật

TT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của học phần	Khối lượng kiến thức
Kiến thức giáo dục đại cương				
1	CB050	GDQP & AN1: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam*	Học phần giúp cho sinh viên có những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; nhận thức đúng về nguồn gốc, bản chất chiến tranh; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, lực lượng vũ trang nhân dân để tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	2TC (22 LT 08 TH)
2	CB051	GDQP& AN2: Công tác quốc phòng và an ninh*	Học phần giúp cho sinh viên nhận thức được âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, trên cơ sở đó đấu tranh, phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam để giữ gìn an ninh chính trị và bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên có kiến thức về chiến tranh công nghệ cao; kiến thức về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, phong trào toàn dân đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ biên giới, biển đảo Việt Nam.	2TC (22 LT 08 TH)

3	CB052	GDQP &AN3: Quân sự chung*	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc; giúp SV hiểu biết và sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí thông thường; có kiến thức về chiến thuật bộ binh; biết cách phòng, tránh vũ khí hủy diệt lớn và thành thạo kỹ thuật băng bó, chuyển thương.	2TC (14 LT 16 TH)
4	CB053	GDQP &AN4: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật*	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và làm nghĩa vụ quân sự với quốc gia.	2TC (04 LT 56TH)
5	CB035	GDTC 1: Cờ vua 1*	Chương trình học tập này giúp cho người học một số kiến thức cơ bản về lý luận và thực hành môn Cờ Vua, luật chơi môn Cờ Vua, đồng thời thông qua môn học Cờ Vua rèn luyện cho trí óc con người thêm phát triển, thêm linh hoạt và dẻo dai.	1TC (15LT + 30TH)
6	CB035	GDTC 1: Taekwondo 1*	Người học nắm được lịch sử phát triển môn Taekwondo, ý nghĩa tác dụng môn Taekwondo và thực hiện được các kỹ thuật tấn (Seogi), các kỹ thuật đỡ (Makki), kỹ thuật đâm (Jireugi), kỹ thuật đá (Chagi) và 3 bài quyền 1,2,3, thông qua đó để rèn luyện thân thể, rèn luyện thể lực toàn diện theo chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo (QĐ 53/BGDĐT -2008).	1TC (15LT + 30TH)
7	CB035	GDTC 1: Bóng chuyền 1 *	Nội dung học phần gồm các kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền như: Luật bóng chuyền, các tư thế đánh bóng, các kỹ thuật di chuyển tiến - lùi, trượt ngang sang phải - trái, kỹ thuật chuyền bóng cao tay cơ bản trước mặt, kỹ thuật đệm bóng căn bản.	1TC (15LT + 30TH)

8	CB036	GDTC 2: Cờ vua 2*	Giúp người học nâng cao các kỹ năng trong môn Cờ Vua và luật chơi Cờ Vua như: Các bài tập giải Cờ thế chiếu hết sau 1 nước và chiếu hết sau hai nước, đồng thời thông qua môn học Cờ Vua rèn luyện cho trí óc con người thêm phát triển, thêm linh hoạt và dẻo dai hơn.	1TC (15LT + 30TH)
9	CB036	GDTC 2: Taekwondo 2*	Sinh viên sẽ được lĩnh hội những kỹ thuật cơ bản của môn võ Taekwondo vận dụng tập luyện nâng cao các tố chất thể lực, tăng cường sức khỏe, thông qua rèn luyện sinh viên sẽ được hình thành nên những phẩm chất tốt đẹp, lòng dũng cảm, sự nhân ái và cao thượng trong cuộc sống đời thường.	1TC (15LT + 30TH)
10	CB036	GDTC 2: Bóng chuyền 2 *	Nội dung học phần gồm các kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền như: Tiếp tục nghiên cứu về Luật bóng chuyền, ôn các tư thế đánh bóng, các kỹ thuật di chuyển tiến - lùi, trượt ngang sang phải - trái, kỹ thuật chuyền bóng cao tay cơ bản trước mặt, kỹ thuật đệm bóng, kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt căn bản, một số kỹ thuật phát bóng, chuyền bóng, di chuyển nâng cao.	1TC (15LT + 30TH)
11	CB037	GDTC 3: Cờ vua 3*	Chương trình học tập này nhằm giới thiệu và trang bị cho người học một số kiến thức cơ bản về lý luận và thực hành để khi ra trường sinh viên làm công tác phong trào, tổ chức huấn luyện, giảng dạy cho người mới tập chơi cờ.	1TC (15LT + 30TH)
12	CB037	GDTC 3: Taekwondo 3*	Sinh viên sẽ được lĩnh hội những kỹ thuật cơ bản của môn võ Taekwondo vận dụng tập luyện nâng cao các tố chất thể lực, tăng cường sức khỏe, thông qua rèn luyện sinh viên sẽ được hình thành nên những phẩm chất tốt đẹp, lòng dũng cảm, sự nhân ái và cao thượng trong cuộc sống đời thường	1TC (15LT + 30TH)
13	CB037	GDTC 3: Bóng chuyền 3 *	Nội dung học phần gồm các kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền khác như bóng chuyền bãi biển và bóng chuyền hơi: Ôn các tư thế đánh bóng, các kỹ thuật di chuyển tiến - lùi, trượt	1TC (15LT + 30TH)

ANH
NG
OC
JAT
NGH
THO

			ngang sang phải - trái, kỹ thuật chuyên bóng cao tay cơ bản trước mặt nâng cao. Tiếp tục luyện tập kỹ thuật đệm bóng, kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt, kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt, kỹ thuật đập bóng nâng cao, kỹ thuật phối hợp đồng đội trong thi đấu bóng chuyền bãi biển và bóng chuyền hơi.	
14	CB040	Triết học Mác - Lênin	Học phần Triết học Mác - Lênin bao gồm 3 chương, trình bày những tri thức cơ bản về triết học, triết học Mác – Lênin, vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử.	3TC (45 LT)
15	CB041	Kinh tế Chính trị Mác- Lênin	Học phần gồm có 6 chương bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác- Lênin và các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế của Việt Nam.	2 TC (30 LT)
16	CB042	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học phần giúp cho sinh viên nắm vững những lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong thời kỳ quá độ hiện nay. Học phần còn hình thành và rèn luyện khả năng phân tích, đánh giá những vấn đề thực tiễn trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.	2TC (30LT)

17	CB043	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng cộng sản Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người.	2TC (30LT)
18	CB044	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam; Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới từ năm 1975 đến nay. Giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng, vận dụng kiến thức đã học trong quá trình học tập và công tác.	2TC (30LT)
19	CB005	Văn bản và lưu trữ đại cương	Học phần giúp cho sinh viên có kiến thức lý luận và thực tiễn về văn bản và văn bản hành chính; trình bày thể thức văn bản và phương pháp soạn thảo văn bản; khái niệm lưu trữ, ý nghĩa và tác dụng của tài liệu lưu trữ; có kỹ năng soạn thảo văn bản và kỹ năng quản lý khoa học các loại văn bản hành chính, giúp sinh viên biết cách lựa chọn, phân loại văn bản để lưu trữ; Biết cách tra tìm, sử dụng tài liệu lưu trữ để có thể làm tốt công tác quản lý ở cơ quan sau này.	2TC (30LT)
20	CB049	Đổi mới Sáng tạo và Khởi nghiệp	Học phần trang bị cho SV những kiến thức tổng quan về sáng tạo, đổi mới và hình thành ý tưởng khởi nghiệp, lựa chọn loại hình sở hữu doanh nghiệp, hiểu biết cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ. Ngoài ra, sinh viên còn được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về thị trường như đánh giá thế mạnh, cơ hội, đe dọa, rủi ro, thương mại hóa sản	2TC (30LT)

			phẩm từ ý tưởng kinh doanh, phát hiện tiềm năng kinh doanh và lập kế hoạch khởi nghiệp. Sinh viên còn có cơ hội được chia sẻ kinh nghiệm khởi nghiệp từ các doanh nhân thành đạt hoặc được tham quan mô hình khởi nghiệp thành công.	
21	TT092	Tin học căn bản	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về Tin học và kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin. Các kiến thức giảng dạy trong học phần bao gồm: Khái niệm về thông tin, máy tính, hệ điều hành Windows, và kỹ năng soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính, sử dụng trình chiếu và Internet. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin được quy định ở Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT và Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông.	2TC (15LT + 30TH)
22	K1001	Logic học đại cương	Trang bị kiến thức cơ bản cho sinh viên nắm được các khái niệm cơ bản của logic học như: tư duy, khái niệm, phán đoán, suy luận, định nghĩa, quy luật tư duy. Phân tích được các hình thức và phương pháp suy luận trong tư duy logic. Giải thích được vai trò của logic học trong tư duy khoa học, tư duy phản biện. Tôn trọng tính hợp lý và khách quan trong tư duy và giao tiếp.	2TC (15LT + 30TH)
23	CB039	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Trang bị kiến thức cơ bản cho sinh viên các khái niệm cơ bản và lý thuyết nền tảng về văn hóa. Phân tích được những đặc trưng, giá trị truyền thống, bản sắc của văn hóa Việt Nam. Hiểu được quá trình hình thành, vận động (giao lưu) và phát triển của văn hóa Việt Nam trong lịch sử và hiện đại. Hình thành ý thức bảo tồn, gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống trong thời kỳ hội nhập và phát triển.	2TC (15LT + 30TH)
24	CB012	Kỹ năng giao tiếp	Trang bị kiến thức cơ bản cho sinh viên nắm được các khái niệm, nguyên tắc,	

			quy trình và yếu tố ảnh hưởng đến giao tiếp. Hiểu và phân biệt được sự khác biệt trong giao tiếp giữa các cá nhân, nhóm, môi trường văn hóa và bối cảnh giao tiếp khác nhau. Phát huy khả năng tự học tập, tự nghiên cứu của sinh viên, thái độ cởi mở, tôn trọng chủ động, trung thực và có trách nhiệm trong các mối quan hệ giao tiếp cá nhân và tập thể.	2TC (15LT + 30TH)
25	CB038	Tiếng việt thực hành	Trang bị kiến thức cơ bản, nắm vững kiến thức nền tảng về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Việt trong học tập và giao tiếp. Giúp người học nhận diện được đặc điểm chuẩn mực và biến thể của tiếng Việt trong quá trình sử dụng. Phụng khả năng tự học tập, tự nghiên cứu của sinh viên, thái độ nghiêm túc, tôn trọng chuẩn mực tiếng Việt trong học thuật và đời sống. Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, xem ngôn ngữ là công cụ tư duy và phương tiện thể hiện bản sắc văn hoá dân tộc.	2TC (15LT + 30TH)
26	KL002	Tâm lý học đại cương	Trang bị kiến thức cơ bản để sinh viên hiểu được đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của tâm lý học. Nắm rõ các hiện tượng, quy luật và quá trình tâm lý cơ bản của con người. Nhận diện được các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi, nhân cách và mối quan hệ xã hội. Hình thành ý thức, thái độ nghiêm túc, tích cực trong việc học tập, tôn trọng sự đa dạng tâm lý con người; Biết lắng nghe, thấu hiểu người khác, góp phần xây dựng môi trường giao tiếp nhân văn	2TC (15LT + 30TH)

27	CB023	Anh văn căn bản 1	Thông qua chương trình, sinh viên có dịp tiếp cận những tình huống nghe, hiểu và nói đa dạng với chủ đề lý thú nhằm phát triển khả năng giao tiếp của sinh viên, giúp sinh viên có thể sử dụng ngoại ngữ hiệu quả hơn trong các tình huống giao tiếp hằng ngày. Ngoài ra, sinh viên còn có thể củng cố khả năng đọc hiểu và viết qua các bài học phù hợp với trình độ sinh viên, cũng như qua các bài tập viết đơn giản giúp sinh viên diễn đạt ý tưởng của mình dễ dàng hơn	4TC (60LT)
28	NN05 2	Nhật ngữ căn bản 1	Học phần này nhằm hướng đến mục tiêu giúp sinh viên có thể giao tiếp đơn giản bằng tiếng Nhật các chủ đề thường gặp trong cuộc sống như: chào hỏi, hỏi thăm sức khỏe, cảm ơn, tạm biệt; nói tên, tuổi, quốc tịch, một số hoạt động cơ bản hằng ngày của bản thân, sở thích; nói về những đặc trưng cơ bản đồ vật; nói hoặc hỏi thời gian; nói về trạng thái thời tiết... Ngoài ra, học phần sẽ cung cấp các kiến thức cần thiết để học A2.	4TC (60LT)
29	CB024	Anh văn căn bản 2	Môn học giúp cho sinh viên có thể biết được một số từ vựng và cụm từ cơ bản để miêu tả và giao tiếp bằng tiếng Anh về các chủ đề như tiền và lịch sử về tiền, du lịch và du hành vào vũ trụ, miêu tả về ngoại hình, cách ăn mặc và lễ hội, phim và nghệ thuật. Nắm vững một số kiến thức về văn hóa xã hội ở một số nước trên thế giới thông qua các bài đọc, bài nghe về các chủ đề thời trang, vũ trụ, hình xăm, lễ hội và nghệ thuật. nắm vững một số cấu trúc ngữ pháp thông dụng như thì quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, thì tương lai gần và cách nói về kế hoạch trong tương lai gần, cách dùng “have got” và “has got”, phó từ chỉ mục tiêu (infinitive of purpose), so sánh tính từ gồm so sánh hơn và so sánh nhất.	3TC (45LT)

30	NN05 3	Nhật ngữ căn bản 2	Học phần này nhằm hướng đến mục tiêu giúp sinh viên có thể giao tiếp đơn giản bằng tiếng Nhật các chủ đề thường gặp trong cuộc sống như: có thể nói, hiểu và viết về các việc cùng làm với người khác; về tần suất, thời gian thực hiện hành động; về hành động đang diễn ra; về những việc đã làm hoặc chưa làm; về những sự việc có tính chất trái ngược nhau; diễn đạt sự so sánh...	3TC (45LT)
31	CB025	Anh văn căn bản 3	Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngữ pháp tiếng Anh cơ bản như: các thì (hiện tại hoàn thành, tương lai gần, tương lai đơn), các động từ khiếm khuyết, và cách sử dụng mạo từ. Bên cạnh đó, sinh viên còn được củng cố và được cung cấp thêm một lượng từ vựng thông dụng về các chủ đề khoa học công nghệ, du lịch và môi trường tự nhiên. Đồng thời, học phần Anh văn căn bản 3 giúp sinh viên phát triển các kỹ năng Nghe hiểu, Đọc hiểu, Viết, và khả năng giao tiếp trong một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh.	3TC (45LT)
32	NN05 4	Nhật ngữ căn bản 3	Học phần này nhằm hướng đến mục tiêu giúp sinh viên có thể giao tiếp đơn giản bằng tiếng Nhật các chủ đề thường gặp trong cuộc sống như: nói về tình trạng sức khỏe; cho lời khuyên; so sánh các thông tin; nói về mục tiêu trong tương lai; nói về lý do; đưa ra lời đề nghị hay xin phép thực hiện việc gì đó; diễn tả lòng biết ơn; viết thư và các loại thiệp chúc mừng đơn giản...	3TC (45LT)
33	KL003	Lý Luận Nhà nước và pháp luật	Cung cấp cho người học những vấn đề lý luận cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật, cụ thể như: nguồn gốc, bản chất, hình thức, các kiểu nhà nước và pháp luật trong lịch sử; các vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước như: chức năng của nhà nước, hình thức của các nhà nước, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các bộ máy nhà nước...; những vấn đề lý luận cơ bản về pháp luật như: quy phạm	4TC (60LT)

			pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, ý thức pháp luật, giáo dục pháp luật, pháp chế xã hội chủ nghĩa, hệ thống pháp luật.	
34	KL004	Lịch sử các học thuyết pháp lý	Học phần Lịch sử các học thuyết pháp lý cung cấp cho sinh viên vấn đề cơ bản liên quan đến học thuyết pháp lý, chẳng hạn như: khái niệm học thuyết pháp lý, vai trò của học thuyết pháp lý trong nghiên cứu luật học, lịch sử các học thuyết cơ bản qua các thời kỳ và sự ảnh hưởng của học thuyết pháp lý đến pháp luật qua các thời kỳ. Bên cạnh đó, học phần còn trang bị cho sinh viên kiến thức về các học thuyết pháp lý chính yếu, nguồn gốc hình thành, quá trình phát triển và thay thế của các học thuyết này; tập trung phân tích nội dung và tư tưởng tiên bộ của các học thuyết.	2TC (30LT)
35	KL005	Luật Hiến Pháp	Học phần Luật Hiến pháp Việt Nam cung cấp những kiến thức về khoa học luật Hiến pháp, ngành luật Hiến pháp, chế định về chế độ chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học công nghệ, an ninh quốc phòng, chính sách đối ngoại, quan hệ cơ bản giữa nhà nước và công dân, những vấn đề cơ bản trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong lịch sử lập hiến Việt Nam và pháp luật hiện hành, tạo nền tảng kiến thức chung cho sinh viên trong nghiên cứu các môn khoa học pháp lý tiếp theo.	2TC (30LT)
36	KL006	Luật So sánh	Giúp sinh viên nhận biết được các hiện tượng pháp luật, xử lý các thông tin, phân tích, lập luận, đánh giá, giải quyết các vấn đề, xây dựng cơ sở phương pháp luận để nghiên cứu những quy luật xâm nhập pháp luật nước ngoài vào pháp luật quốc gia và tiếp thu giá trị pháp lý, những quy tắc pháp luật giữa các hệ thống pháp luật thế giới. Trên cơ sở này, sinh viên có thể đưa ra các dự báo pháp luật, định hướng và hoàn thiện hơn trong lập pháp; áp dụng xây dựng pháp luật quốc gia trong từng trường hợp, từng giai đoạn phát triển của xã hội;	2TC (30LT)

			hoàn thiện pháp luật quốc gia trong các lĩnh vực pháp luật; nâng cao nhận thức xã hội trong việc tuân thủ pháp luật (trong quan hệ trong nước và trong quan hệ quốc tế)..	
37	KL007	Luật Dân sự 1	Cung cấp kiến thức lý luận chung về ngành luật dân sự như khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, phân loại và các quy định pháp luật về nguyên tắc cơ bản của luật dân sự, nguồn của luật dân sự, các loại chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự, quyền nhân thân, đại diện, giám hộ, thời hạn và thời hiệu để giải quyết các vấn đề pháp lý và tình huống pháp lý liên quan về năng lực chủ thể, xác định tình trạng vắng mặt, mất tích, tuyên bố chết của cá nhân; đại diện theo pháp luật và đại diện theo ủy quyền, giám hộ; bảo vệ quyền dân sự và quyền nhân thân của chủ thể quan hệ pháp luật dân sự; xác định thời hạn, thời hiệu.	2TC (30LT)
38	KL008	Luật Hình sự 1	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng liên quan đến lĩnh vực hình sự. Thông qua môn học, người học được cung cấp những kiến thức lý luận và thực tiễn về ngành luật hình sự, tổng quan kiến thức những vấn đề lý luận về tội phạm và hình phạt thông qua việc giới thiệu và phân tích quy định phần chung của Bộ Luật hình sự.	3TC (45LT)
39	KL009	Luật Hành chính	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về quản lý hành chính nhà nước và luật hành chính như: chủ thể, khách thể quản lý hành chính nhà nước; nguyên tắc quản lý hành chính nhà nước; hình thức và phương pháp quản lý hành chính nhà nước; quyết định hành chính; đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của luật hành chính; quy phạm pháp luật hành chính và quan hệ pháp luật hành chính; các biện pháp bảo đảm pháp chế và kỷ luật nhà nước; tài phán hành chính.	3TC (45LT)

40	KL010	Luật Lao động	Học phần Luật lao động trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về pháp luật lao động trong nền kinh tế thị trường hiện nay, giúp cho sinh viên có kiến thức toàn diện trong chuyên ngành được đào tạo để khi tốt nghiệp có thể phối hợp kiến thức của môn Luật lao động với các môn học khác. Sự hiểu biết những quy định pháp luật về lao động giúp cho sinh viên có cách nhận thức phù hợp, nhằm đưa quan hệ lao động vào nề nếp, trật tự trong khuôn khổ pháp luật, đồng thời còn có thể giúp cho sinh viên sử dụng pháp luật để bảo vệ hữu hiệu quyền lợi của mình.	3TC (45LT)
41	KL11	Luật Đất đai	Học phần cung cấp kiến thức, kỹ năng liên quan đến công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai và chế độ sử dụng đất theo pháp luật đất đai Việt Nam hiện hành. Kiến thức nền cần được truyền đạt trước khi nghiên cứu về hai nội dung chính là lý luận chung về pháp luật đất đai (cụ thể như tầm quan trọng của đất đai, vấn đề sở hữu đất đai, quan hệ pháp luật đất đai và lịch sử phát triển pháp luật đất đai qua các thời kỳ). Trong nội dung quản lý nhà nước về đất đai, làm rõ tổ chức hệ thống cơ quan quản lý đất đai và vai trò của từng cơ quan; truyền đạt và phân tích quy định về hoạt động quy hoạch sử dụng đất, phân phối đất đai, ... Trong nội dung chế độ sử dụng đất làm rõ quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, đặc biệt là các giao dịch về quyền sử dụng đất và nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; cuối cùng là pháp luật về giải quyết tranh chấp và khiếu nại, khiếu kiện trong lĩnh vực đất đai.	3TC (45LT)

42	KL012	Luật Môi trường	Luật môi trường là học phần thuộc chương trình đào tạo ngành Luật, nghiên cứu các vấn đề cơ bản về bảo vệ môi trường bằng pháp luật. Nội dung bao gồm như: một số vấn đề mang tính lý luận chung về môi trường, bảo vệ môi trường và luật môi trường. Tiếp đó, học phần nghiên cứu các nội dung về đánh giá môi trường, kiểm soát ô nhiễm môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học như: kiểm soát ô nhiễm không khí, kiểm soát ô nhiễm đất, ô nhiễm nước, bảo vệ rừng, bảo vệ đa dạng sinh học... Ngoài ra, học phần còn đề cập các khía cạnh của việc thực thi các công ước quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ở Việt Nam cũng như cơ chế giải quyết các tranh chấp nảy sinh trong lĩnh vực này.	2TC (30LT)
43	KL013	Luật Thương mại	Học phần Luật Thương mại trang bị cho sinh viên những kiến thức về các hoạt động thương mại như: hoạt động mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, khuyến mại, quảng cáo, đấu giá, đấu thầu, logistic, nhượng quyền thương mại, ... Đồng thời cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về hợp đồng thương mại cũng như các biện pháp chế tài trong hoạt động thương mại để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các bên giao kết hợp đồng. Đây là những kiến thức nền tảng quan trọng để sinh viên có thể vận dụng tư vấn cho các chủ thể kinh doanh khi thực hiện các hoạt động thương mại hoặc khi xảy ra tranh chấp hợp đồng.	3TC (45LT)
44	KL014	Luật Tài chính nhà nước	Học phần Luật Tài chính nhà nước là học phần bắt buộc thuộc chương trình đào tạo, cung cấp cho người học những kiến thức về lý luận, những quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng những quy định về luật tài chính tại Việt Nam. Trong quá trình nghiên cứu, người học sẽ được tìm hiểu về mục đích ban hành và những quy định cụ thể của các loại ngân sách. Bên cạnh đó học phần còn rèn luyện cho người học phát triển những kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm cần thiết cho quá trình học tập và tìm kiếm việc làm.	02 TC (30 tiết LT, 0 TH)

45	KL015	Phương pháp nghiên cứu khoa học Luật	Học phần Giúp người học xác định được vai trò và hạn chế của luật viết cũng như sự cần thiết của hoạt động nghiên cứu và phân tích luật viết; Phân tích được các quy định pháp luật bằng phương pháp phân tích luật viết; Phân biệt được các loại công trình khoa học khác nhau. Nắm vững các kiến thức cơ bản để thực hiện một công trình nghiên cứu khoa học.	02 TC (30 LT, 0 TH)
Kiến thức bắt buộc				
46	KL019	Luật Dân sự 2	Cung cấp những kiến thức về: nghĩa vụ dân sự, các biện pháp bảo đảm nghĩa vụ, hợp đồng dân sự và bồi thường thiệt hại. Từ đó người học có thể vận dụng để nhận diện và giải quyết những tình huống thực tế. Về mặt kỹ năng, môn học giúp người học phát triển những kỹ năng như: kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, kỹ năng lập luận và bảo vệ quan điểm và nhiều kỹ năng chuyên môn khác. Thông qua 11 chương trong học phần Luật dân sự 2 giúp người học có thái độ tích cực, tinh thần tuân thủ pháp luật và tôn trọng quyền hợp pháp của các chủ thể khác. Đồng thời tự định hướng, rèn luyện thái độ, kỹ năng và kiến thức cho nghề nghiệp trong tương lai.	2TC (30LT)
47	KL020	Luật Hình sự 2	Người học sẽ được trang bị kiến thức về các nhóm tội phạm cụ thể như các tội xâm phạm an ninh quốc gia, các tội xâm phạm tính mạng sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người, các tội xâm phạm quyền tự do dân chủ công dân, các tội xâm phạm sở hữu, các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình, các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, các tội phạm về môi trường, các tội phạm về ma túy, các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng, trật tự công cộng, các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính, các tội phạm về chức vụ, các tội xâm phạm hoạt động tư pháp, các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm quân nhân, các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh. Qua đó, rèn luyện được kỹ năng phân tích vụ án hình sự trên thực tế và có tinh thần tuân thủ quy định pháp luật hình sự.	2TC (30LT)

48	KL021	Luật Hôn Nhân và Gia đình	Học phần cung cấp kiến thức lý luận và thực tiễn về hôn nhân và gia đình. Giúp sinh viên có thể nhận dạng các sự việc và tham gia giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực hôn nhân và gia đình.	2TC (30LT)
49	KL022	Luật Tố tụng Dân sự	Môn học cung cấp cho người học những kiến thức tổng quát về Luật Tố tụng dân sự theo chuyên đề như: Nhận thức chung nhất về vụ việc dân sự, luật tố tụng dân sự, các nguyên tắc cơ bản của Luật Tố tụng dân sự; chủ thể của quan hệ pháp luật tố tụng dân sự; thẩm quyền của Tòa án trong việc giải quyết các vụ việc dân sự; chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự; án phí, lệ phí trong tố tụng dân sự; trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự; tương trợ tư pháp trong tố tụng dân sự; thi hành án dân sự.	3TC (45LT)
50	KL023	Luật Tố tụng hình sự	Trang bị chớ inh viên kiến thức cơ bản về lý luận, pháp lý và thực tiễn của quá trình giải quyết vụ án hình sự theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc nhóm, viết bài luận, tranh luận và thuyết trình trước lớp. Hướng dẫn sinh viên phương pháp tiếp cận hồ sơ vụ án hình sự, áp dụng kiến thức đã học để phát hiện những sai sót về thủ tục và đưa ra cách thức giải quyết trong từng trường hợp cụ thể.	
51	KL024	Luật Tố tụng Hành chính	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lý luận và thực tiễn về các quy định pháp luật liên quan đến tố tụng hành chính, bao gồm: thẩm quyền xét xử hành chính của Tòa án nhân dân; cơ quan tiến hành tố tụng hành chính, người tiến hành tố tụng hành chính, người tham gia tố tụng hành chính; chứng minh, chứng cứ và các biện pháp khẩn cấp tạm thời; khởi kiện, thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử, xét xử sơ thẩm; thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm vụ án hành chính.	2TC (30LT)
52	KL025	Luật Thương mại Quốc tế	Kiến thức lý luận chung về luật thương mại quốc tế công thông qua luật của tổ chức WTO; nắm được các nguyên tắc cơ bản của Luật WTO.	2TC (30LT)

53	KL026	Công pháp quốc tế	Công pháp quốc tế là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức lý luận cơ bản về hệ thống pháp luật quốc tế cung cấp cho người học cái nhìn tổng quan về hệ thống luật pháp quốc tế cũng như sự hình thành và phát triển của nó, các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật quốc tế, những quan hệ quốc tế mà ngành luật này điều chỉnh; các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế; các loại nguồn của luật quốc tế; những vấn đề cơ bản của quốc gia – chủ thể quan trọng nhất của luật quốc tế và các vấn đề dân cư, lãnh thổ, tranh chấp quốc tế và giải quyết tranh chấp quốc tế.	2TC (30LT)
54	KL027	Tư pháp quốc tế	Học phần trang bị cho người học những kiến thức về khái niệm, bản chất đặc thù, nội dung của các quan hệ tư pháp quốc tế; các loại nguồn, cách thức áp dụng mỗi loại nguồn tư pháp quốc tế; các khái niệm, đặc trưng cơ bản của xung đột pháp luật, cách thức giải quyết xung đột pháp luật; các quan hệ cụ thể của tư pháp quốc tế (sở hữu, thừa kế, hợp đồng, hôn nhân gia đình, ... có yếu tố nước ngoài).	2TC (30LT)
55	KL028	Luật Đầu tư	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về pháp luật đầu tư trong nền kinh tế thị trường, môn học giúp cho sinh viên có kiến thức toàn diện trong ngành được đào tạo để khi tốt nghiệp có thể phối hợp kiến thức của môn Luật Đầu tư với các môn học khác. Sự hiểu biết chính sách của Nhà nước và quy định của pháp luật về hoạt động đầu tư của các thành phần kinh tế sẽ giúp cho sinh viên có những quyết định đúng đắn và hợp pháp trong hoạt động đầu tư, đồng thời còn có thể giúp cho sinh viên sử dụng pháp luật để bảo vệ hữu hiệu những lợi ích chính đáng của mình trong khuôn khổ pháp luật.	2TC (30LT)

56	KL029	Pháp luật Chủ thể kinh doanh	Giúp người học nắm được những vấn đề pháp lý cơ bản về doanh nghiệp như quy định về thành lập, tổ chức, quản lý, giải thể doanh nghiệp, quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp. Hiểu và phân biệt được các loại hình doanh nghiệp, ưu điểm, hạn chế của từng loại hình doanh nghiệp.	3TC (45LT)
57	KL030	Pháp luật về quy hoạch giải phóng mặt bằng	Pháp luật về quy hoạch và giải phóng mặt bằng là học phần chính và bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật, cung cấp cho người học những kiến thức pháp luật về quy hoạch và thu hồi đất như: khái niệm và đặc điểm của quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, thực trạng quy định của pháp luật về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Bên cạnh đó môn học còn cung cấp những kiến thức về vấn đề bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong quy định của pháp luật như: lịch sử hình thành, các trường hợp thu hồi đất, nguyên tắc thực hiện thu hồi đất, mục đích thu hồi đất. Trình tự thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, các loại bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và một số nội dung khác có liên quan đến quy định pháp luật trong quá trình thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.	2TC (30LT)
58	KL031	Lý luận và pháp luật về quyền con người	Học phần Lý luận và pháp luật về quyền con người cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các vấn đề lý luận và pháp lý về quyền con người, hệ thống các chuẩn mực quốc tế và quy định pháp luật Việt Nam về quyền con người; các cơ chế về bảo vệ và thúc đẩy quyền con người; quan điểm và chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về quyền con người. Ngoài ra, nhằm góp phần thực tế hóa các chính sách, quan điểm và pháp luật của Đảng, Nhà nước Việt Nam và các tiêu chuẩn quốc tế về quyền con người trước bối cảnh quyền con người ngày càng chi phối mạnh mẽ các vấn đề chính trị, xã hội, kinh tế của toàn nhân loại và mỗi quốc gia, học phần này giúp sinh viên có cách tiếp cận, kiến thức, nhận thức và có khả năng xử lý đúng đắn các vấn đề liên quan đến quyền con người trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong hoạt động nghề nghiệp thực tế.	2TC (30LT)

59	KL032	Luật Thuế	Cung cấp cho người học những kiến thức về lý luận, những quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng những quy định về luật thuế tại Việt Nam. Trong quá trình nghiên cứu, người học sẽ được tìm hiểu về mục đích ban hành và những quy định cụ thể của các loại thuế như: đối tượng chịu thuế, phương pháp tính thuế, kê khai, nộp thuế và các trường hợp được miễn, giảm thuế và các vấn đề trọng tâm khác. Bên cạnh đó học phần còn rèn luyện cho người học phát triển những kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm cần thiết cho quá trình học tập và tìm kiếm việc làm.	02 TC (30 LT, 0 TH)
60	KL033	Luật Phòng chống tham nhũng	Hệ thống kiến thức cơ bản pháp luật về phòng, chống tham nhũng, cho sinh viên hiểu, phân tích được phòng, chống tham nhũng là việc các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm của mình thực hiện các biện pháp nhằm phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý đối với hành vi tham nhũng theo quy định của pháp luật, bảo vệ lợi ích hợp pháp của Nhà nước, cơ quan, tổ chức và công dân, góp phần quan trọng vào việc giữ vững an ninh chính trị - xã hội, bảo vệ chế độ và bảo đảm cho kinh tế - xã hội đất nước phát triển bền vững	2TC (30TL)
61	KL034	Luật Ngân hàng	Mục tiêu xuyên suốt của học phần này là cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về pháp luật trong hoạt động ngân hàng ở Việt Nam. Trong đó, học phần này sẽ đề cập đến những nội dung mang tính khái quát nhất về Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) và hệ thống tổ chức tín dụng (TCTD), cũng như các hoạt động nghiệp vụ cơ bản diễn ra trong hệ thống ngân hàng.	3TC (54LT)



62	KL035	Pháp luật về giao dịch bảo đảm	Giúp sinh viên hiểu kiến thức cơ bản về giao dịch bảo đảm nói chung, các biện pháp bảo đảm, biết vận dụng kiến thức về giao dịch bảo đảm để nhận diện bản chất của các loại hợp đồng bảo đảm trên thực tế, biết vận dụng kiến thức để soạn thảo các hợp đồng bảo đảm, đăng ký biện pháp bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Sinh viên tích lũy được kiến thức để tiếp tục tham dự các học phần chuyên môn khác liên quan đến bảo đảm nghĩa vụ trong lĩnh vực luật riêng (luật ngân hàng, luật thương mại, luật hàng hải...); Sinh viên có khả năng tự học tập suốt đời đối với các vấn đề pháp lý về bảo đảm nghĩa vụ theo sự biến đổi và phát triển liên tục của pháp luật Việt Nam cũng như phân tích, đánh giá, bình luận và vận dụng các quy định pháp luật mới phát sinh liên quan về các biện pháp bảo đảm nghĩa vụ.	2TC (30LT)
63	KL036	Kỹ năng đàm phán soạn thảo hợp đồng	Trang bị cho sinh viên nắm vững các vấn đề cơ bản về kỹ năng đàm phán, kỹ thuật trong soạn thảo các loại hợp đồng dân sự, lao động, thương mại. Ngoài ra, môn học còn hệ thống những kiến thức chung về hợp đồng như: Khái quát chung về hợp đồng, phân loại hợp đồng, chủ thể và thẩm quyền giao kết hợp đồng, nguyên tắc giao kết hợp đồng, quyền và nghĩa vụ các bên trong thực hiện hợp đồng,...	2TC (30LT)
64	KL037	Kỹ năng tư vấn pháp luật	Học phần giúp sinh viên có những hiểu biết cơ bản về tư vấn pháp luật. Có những kiến thức về kỹ năng tư vấn các loại việc cụ thể về tư vấn thành về doanh nghiệp, hành chính, dân sự, lao động, đất đai, ngân hàng, thuế.	03 TC (45LT/ 0 TH)
65	KL016	Kỹ năng soạn thảo văn bản	Trang bị cho sinh viên kiến thức về soạn thảo các loại văn bản hành chính thông dụng như biên bản, công văn, tờ trình, báo cáo, quy chế, quy định,... Từ đó ứng dụng lí thuyết vào thực tiễn để soạn thảo hoàn chỉnh một số loại văn bản thông dụng.	2 TC (30LT)

66	KL017	Anh văn chuyên ngành Luật	Cung cấp các kiến thức cơ bản về ngành luật và các hoạt động liên quan đến luật; phát triển vốn từ vựng chuyên ngành Luật để có thể đọc hiểu tài liệu tham khảo hoặc nghe giảng các chủ đề trong lĩnh vực này; phát triển kiến thức về ngữ pháp, cấu trúc câu và cấu tạo từ vựng trong tiếng Anh.	2 TC (30LT)
67	KL018	Tâm lý học tư pháp	Học phần cung cấp kiến thức về những vấn đề chung của tâm lý tư pháp; các phương pháp tâm lý học tư pháp; nguyên nhân tâm lý hành vi phạm tội; cấu trúc của hoạt động tư pháp; đặc điểm tâm lý hoạt động điều tra; đặc điểm tâm lý của hoạt động xét xử và đặc điểm tâm lý của hoạt động cải tạo	2 TC (30LT)
68	KL038	Luật Chứng khoán	Giúp sinh viên nhận biết và vận dụng được kiến thức lý luận chung và quy định pháp luật về chứng khoán. Từ những kiến thức đó người học có thể áp dụng để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tiễn. Bên cạnh đó người học còn nhận định được và thực tiễn đòi hỏi của công việc trong tương lai gắn liền với một số chức danh nghề nghiệp thuộc lĩnh vực chứng khoán.	2 TC (30LT)
69	KL039	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	Sinh viên tổng hợp được hệ thống kiến thức về bất động sản, sự ra đời của thị trường bất động sản, vai trò, ý nghĩa của thị trường này trong nền kinh tế, các loại hình kinh doanh bất động sản và kinh doanh dịch vụ bất động sản.	2 TC (30LT)
70	KL040	Luật Thương mại điện tử	Học phần cung cấp những kiến thức giúp sinh viên hiểu được những quy định của pháp luật về các hoạt động thương mại điện tử theo pháp luật Việt Nam. Hiểu các đặc trưng pháp lý của các hoạt động thương mại điện tử.	2TC (30LT)
71	KL041	Pháp luật công chứng – luật sư – thừa phát lại - đấu giá	Pháp luật công chứng - luật sư - thừa phát lại - đấu giá là môn học cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về công chứng viên, luật sư, thừa phát lại và đấu giá viên. Bên cạnh đó môn học còn cung cấp kiến thức liên quan đến việc thành lập và hoạt động của tổ chức hành nghề công chứng, tổ chức hành nghề luật sư, văn phòng thừa phát lại và tổ chức đấu giá. Thông qua đó, giúp người học củng cố kiến thức chuyên ngành, nắm rõ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật	2TC (30LT)

			và vận dụng quy định trên thực tế trong các lĩnh vực nói trên.	
72	KL042	Đạo đức nghề luật	Nắm được khái niệm đạo đức nghề luật và hiểu được công việc của những người thực hành nghề luật; Khái niệm đạo đức nghề luật và các nguồn điều chỉnh các tiêu chuẩn đạo đức nghề luật; tiêu chuẩn đạo đức đối với Thẩm phán, Luật sư, Công chứng viên, Kiểm sát viên, Chấp hành viên theo pháp luật hiện hành của Việt Nam; hiểu được mối quan hệ giữa đạo đức nghề luật và các vấn đề xã hội hiện đại.	02 TC (30 LT, 0TH)
73	KL043	Luật hình sự quốc tế	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về luật hình sự quốc tế, vai trò của luật hình sự quốc tế trong việc đảm bảo quyền con người.	2TC (30LT)
74	KL044	Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm	Học phần này cung cấp các kiến thức pháp luật về hoạt động kinh doanh bảo hiểm bao gồm các nội dung cơ bản sau: Lý luận chung về pháp luật kinh doanh bảo hiểm; địa vị pháp lý của các chủ thể thực hiện hoạt động kinh doanh bảo hiểm như doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, đại lý bảo hiểm; quy chế pháp lý về hợp đồng trong kinh doanh bảo hiểm; quy định của pháp luật về hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm dân sự, hợp đồng bảo hiểm tài sản và hợp đồng bảo hiểm con người; hợp đồng bảo hiểm vận chuyển hàng hóa trong hoạt động xuất nhập khẩu và quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm.	2TC (30LT)
75	KL045	Luật An ninh mạng	Luật An ninh mạng là học phần cung cấp cho người học những kiến thức lý luận và thực tiễn về hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên không gian mạng. Bên cạnh đó môn học còn cung cấp kiến thức liên quan đến chính sách của Nhà nước về an ninh mạng; nguyên tắc và biện pháp bảo vệ an ninh mạng, bảo vệ không gian mạng quốc gia; hợp tác quốc tế về an ninh mạng; các hành vi bị nghiêm cấm về an ninh mạng; xử lý vi phạm pháp luật về an ninh mạng. Thông qua đó, giúp người học củng cố kiến thức chuyên ngành, nắm rõ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và vận	2TC (30LT)

			dụng quy định trên thực tế trong các lĩnh vực nói trên.	
76	KL046	Pháp luật về trọng tài thương mại	Học phần cung cấp kiến thức về thỏa thuận trọng tài, tổ tụng trọng tài, thực tiễn giải quyết tranh chấp bằng trọng tài tại một số Trung tâm trọng tài quốc tế, những vấn đề pháp lý các thương nhân Việt Nam cần lưu ý khi lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, và bài học kinh nghiệm.	2TC (30LT)
77	KL047	Luật Đấu thầu	Học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề chung về đấu thầu và pháp luật về đấu thầu; nội dung các quy định của pháp luật Việt Nam về quy trình đấu thầu; Từ những kiến thức đó người học có thể áp dụng để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tiễn. Bên cạnh đó người học còn nhận định được và thực tiễn đòi hỏi của công việc trong tương lai gắn liền với một số chức danh nghề nghiệp thuộc lĩnh vực đấu thầu.	2TC (30LT)
78	KL048	Thực hành nghề luật	Thực hành nghề luật là học phần thực hành của chương trình đào tạo cử nhân luật. Bên cạnh việc cung cấp cho người học những kiến thức, thông tin về tổ chức giáo dục thực hành, học phần còn cung cấp những kiến thức về cách thức và phương pháp để áp dụng kiến thức pháp luật lý thuyết về pháp luật vào thực tế. Cụ thể là trong hoạt động giảng dạy và tư vấn, hỗ trợ pháp lý cho cộng đồng. Thông qua học phần thực hành nghề luật, người học có thể vận dụng những phương pháp, quy trình để tiếp cận, nghiên cứu, xây dựng nội dung pháp luật hoàn chỉnh để thực hiện các hoạt động giảng dạy, tuyên truyền, tư vấn và hỗ trợ pháp lý để phục vụ cho nhu cầu của cộng đồng.	2TC (30LT)
79	KL049	Thực tập tốt nghiệp	Học phần giúp cho sinh viên củng cố kiến thức đã học thông qua việc tiếp cận, tìm hiểu thực tiễn tại các cơ quan, tổ chức cụ thể như Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan hành chính, doanh nghiệp, văn phòng Luật sư, văn phòng Công chứng, văn phòng Thừa phát lại; vận dụng kiến thức để phân tích, tổng hợp và xử lý các vấn đề chuyên môn của ngành luật nhằm phát hiện vấn đề nghiên cứu tại đơn vị thực tập. Đồng thời, thực tập tốt nghiệp còn	10TC (450TH)

			là cơ hội để sinh viên rèn luyện các kỹ năng mềm như làm việc nhóm, sử dụng tin học văn phòng, văn hóa ứng xử công sở và là bước đầu thực hành nghề luật.	
80	KL050	Khóa luận tốt nghiệp	Học phần Khóa luận tốt nghiệp trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, phương pháp nghiên cứu khoa học, vận dụng các kiến thức đã học để hoàn thành đề tài nghiên cứu đã chọn. Đồng thời, học phần giúp cho sinh viên bước đầu hình thành ý tưởng, phát triển kỹ năng nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra trong lĩnh vực pháp luật; biết cách phân tích, tổng hợp và vận dụng lý thuyết để giải quyết vấn đề pháp lý trong thực tiễn của cơ quan, tổ chức, hoặc doanh nghiệp; xử lý các vấn đề chuyên môn về pháp luật nhằm củng cố kiến thức về lý luận và đưa ra những giải pháp điều chỉnh các vấn đề pháp luật một cách khoa học; phát triển phương pháp nghiên cứu khoa học và kỹ năng trình bày báo cáo nghiên cứu	10TC (450TH)
81	KL051	Pháp luật an sinh xã hội	Học phần Pháp luật về an sinh xã hội hướng tới mục tiêu trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất và thiết thực nhất về an sinh xã hội như: đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, và các nguyên tắc cơ bản của ngành luật an sinh xã hội; đồng thời trang bị cho sinh viên kiến thức pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, và về chế độ, chính sách về bảo trợ xã hội hiện hành.	2TC (30LT)
82	KL052	Pháp luật về hộ tịch	Cung cấp kiến thức về một số quy định chung về công tác hộ tịch; trình tự, thủ tục đăng ký hộ tịch. Hiểu được tầm quan trọng, nguyên tắc đăng ký và công tác quản lý hộ tịch, đăng ký kết hôn, đăng ký giám hộ, ...	2TC (30LT)
83	KL053	Pháp luật kinh doanh dịch vụ Logistic	Trang bị cho sinh viên kiến thức pháp luật cơ bản về kinh doanh dịch vụ Logistics, hiểu và có khả năng phân tích quy định về luật về kinh doanh dịch vụ Logistics, từ đó đưa ra quyết định đứng đắn khi thực hiện kinh doanh dịch vụ Logistics.	2TC (30LT)

84	KL054	Pháp luật sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ	Học phần giúp sinh viên nhận biết và vận dụng được kiến thức lý luận chung và quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ. Từ những kiến thức đó người học có thể áp dụng để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tiễn. Bên cạnh đó người học còn nhận định được và thực tiễn đòi hỏi của công việc trong tương lai gắn liền với một số chức danh nghề nghiệp thuộc lĩnh vực sở hữu trí tuệ.	03 TC (45LT, 0 TH)
85	KL055	Nghiep vụ tòa án	Học phần giúp người học hệ thống kiến thức cơ bản của các học phần đã học trong chương trình đào tạo.	3TC (45LT)

12.1. Các khối kiến thức

Tổng khối lượng chương trình: 141 tín chỉ (không tính các học phần điều kiện: Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất: 11TC)

Trong đó bao gồm:

Bảng 5. Phân bổ khối kiến thức

TT	Khối kiến thức	Tín chỉ bắt buộc	Tín chỉ tự chọn	Tổng	Tỷ lệ* (%)
1	Kiến thức giáo dục đại cương	36	4	40	30,76
1.1	Phần Giáo dục Quốc phòng – An ninh, Giáo dục thể chất *	11		11	8,46
1.2	Kiến thức khoa học xã hội, ngoại ngữ	25	4	27	19,23
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	79	22	101	77,69
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	33	2	35	26,92
2.2	Kiến thức ngành chính	44	8	54	41,53
2.3	Thực hành, thực tập nghề nghiệp	2	2	2	1,53
2.4	Khóa luận tốt nghiệp, Thực tập tốt nghiệp (Các học phần thay thế tương đương)	0	10	10	7,69
	Tổng	115	26	141	108,45

Ghi chú: “*” Không tính 11 tín chỉ của các học phần Giáo dục Quốc phòng – An ninh, Giáo dục thể chất.

12.2 Nội dung chi tiết

Bảng 6. Khung chương trình đào tạo ngành Luật

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần học trước
1. Kiến thức giáo dục đại cương				40	36	04			
1	CB050	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2	2		37	8	
2	CB051	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2	2		22	8	
3	CB052	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2	2		14	16	
4	CB053	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4(*)	2	2	2		4	56	
5	CB035	Giáo dục thể chất 1*	2	1	1		15	15	
6	CB036	Giáo dục thể chất 2*	2	1	1		15	15	
7	CB037	Giáo dục thể chất 3*	2	1	1		15	15	
8	CB040	Triết học Mác - Lênin	1	3	3		45		
9	CB041	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	2		30		CB040
10	CB042	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	2	2		30		CB041
11	CB043	Tư tưởng Hồ Chí Minh	4	2	2		30		CB042
12	CB044	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	5	2	2		30		CB043
13	TT092	Tin học căn bản	3	2	2		15	30	
14	CB023	Anh văn căn bản 1	1	4	4		60		
15	NN052	Tiếng nhật căn bản 1	1						
16	CB024	Anh văn căn bản 2	2	3	3		45		CB023
17	NN053	Tiếng nhật căn bản 2	2						
18	CB025	Anh văn căn bản 3	3	3	3		45		CB024
19	NN054	Tiếng nhật căn bản 4	3						
20	KL001	Logic học đại cương	2	2	2		30		
21	CB049	Đổi mới sáng tạo và Khởi nghiệp	4	2		2	30		
22	CB039	Cơ sở văn hóa Việt Nam	4	2			30		
23	CB012	Kỹ năng giao tiếp	4	2			30		
24	CB038	Tiếng việt thực hành	2	2		2	30		
25	KL002	Tâm lý học đại cương	2	2			30		
26	CB005	Văn bản và lưu trữ đại cương	2	2			30		
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				101	79	22			
2.1. Kiến thức cơ sở				35	33	2			
27	KL003	Lý luận nhà nước và pháp luật	1	4	4		60		
28	KL004	Lịch sử các học thuyết pháp lý	1	2	2		30		
29	KL005	Luật Hiến pháp	2	2	2		30		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần học trước
30	KL006	Luật so sánh	5	2	2		30		KL003
31	KL007	Luật dân sự 1	2	2	2		30		KL003
32	KL008	Luật hình sự 1	2	3	3		45		
33	KL009	Luật hành chính	1	3	3		45		
34	KL010	Luật lao động	3	3	3		45		KL003
35	KL011	Luật đất đai	5	3	3		45		KL007 KL009
36	KL012	Luật môi trường	5	2	2		30		KL007 KL009
37	KL013	Luật thương mại	4	3	3		45		KL007
38	KL014	Luật tài chính nhà nước	5	2	2		30		KL005 KL009 KL013
39	KL015	Phương pháp nghiên cứu khoa học luật	5	2	2		30		
40	KL016	Kỹ năng soạn thảo văn bản	6	2		2	30		
41	KL017	Anh văn chuyên ngành Luật	6	2			30		CB025
42	KL018	Tâm lý học tư pháp	6	2			30		KL002
2.2. Kiến thức ngành chính				56	46	10			
43	KL019	Luật dân sự 2	3	2	2		30		KL007
44	KL020	Luật hình sự 2	3	2	2		30		KL008
45	KL021	Luật hôn nhân và gia đình	3	2	2		30		KL007
46	KL022	Luật tổ tụng dân sự	6	3	3		45		KL019
47	KL023	Luật tố tụng hình sự	6	3	3		45		KL020
48	KL024	Luật tố tụng hành chính	4	2	2		30		KL009
49	KL025	Luật thương mại quốc tế	6	3	3		45		KL013
50	KL026	Công pháp quốc tế	5	2	2		30		KL005
51	KL027	Tư pháp quốc tế	7	2	2		30		KL013 KL022 KL026
52	KL028	Luật đầu tư	4	2	2		30		
53	KL029	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	4	3	3		45		KL013
54	KL030	Pháp luật về quy hoạch và giải phóng mặt bằng	7	2	2		30		KL011
55	KL031	Lý luận và pháp luật về quyền con người	5	2	2		30		
56	KL032	Luật thuế	4	3	3		45		
57	KL033	Pháp luật về phòng chống tham nhũng	6	2	2		30		
58	KL034	Luật Ngân hàng	5	3	3		45		
59	KL035	Pháp luật về giao dịch bảo đảm	7	2	2		30		KL019
60	KL036	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	7	3	3		45		KL003 KL019

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần học trước
61	KL037	Kỹ năng tư vấn pháp luật	7	3	3		45		KL009 KL013 KL019 KL020
62	KL038	Luật chứng khoán	7	2		2	30		KL013
63	KL039	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	7	2			30		KL011 KL013
64	KL040	Luật thương mại điện tử	7	2			30		KL013
65	KL041	Pháp luật công chứng - luật sư - thừa phát lại - đấu giá	7	2		4	30		
66	KL042	Đạo đức nghề luật	6	2			30		KL020
67	KL043	Luật hình sự quốc tế	7	2			30		KL020
68	KL044	Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm	7	2			30		KL013
69	KL045	Luật an ninh mạng	6	2		4	30		
70	KL046	Pháp luật về trọng tài thương mại	6	2			30		
71	KL047	Luật đấu thầu	7	2			30		
72	KL048	Thực hành nghề luật	6	2			0	90	
2.3. Thực tập, khóa luận tốt nghiệp và học phần thay thế				10		10			
73	KL049	Thực tập tốt nghiệp	8	10		10	0	450	
74	KL050	Khóa luận tốt nghiệp	8	10			0	450	
75	KL051	Pháp luật về an sinh xã hội	8	2			30		KL013
76	KL052	Pháp luật về hộ tịch	8	2			30		
77	KL053	Pháp luật về kinh doanh dịch vụ Logistics	8	2			30		KL013
78	KL054	Pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ	8	2			30		KL019
79	KL055	Nghiệp vụ tòa án	8	2			30		
Tổng cộng: 141 tín chỉ (Bắt buộc: 115 tín chỉ; Tự chọn: 26 tín chỉ)									

(*) Học phần điều kiện, không tính vào điểm trung bình chung tích lũy.

LIÊN KẾT GIỮA CÁC HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bảng 7. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra ngành Luật và chuẩn đầu ra của từng học phần:

Học phần			Chuẩn đầu ra (K-S-C)														
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm		
			K1	K2	K3	K4	K5	K6	S1	S2	S3	S4	S5	S6	C1	C2	C3
TT	Mã HP	Tên học phần															
1. Kiến thức giáo dục đại cương																	
1	CB050	GDQP&AN 1: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam*	X							X					X		
2	CB051	GDQP&AN 2: Công tác quốc phòng và an ninh*	X							X					X		
3	CB052	GDQP&AN 3: Quân sự chung*	X							X					X		
4	CB053	GDQP&AN 4: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật*	X							X					X		
5	CB035	Giáo dục thể chất 1*	X							X					X		
6	CB036	Giáo dục thể chất 2*	X							X					X		
7	CB037	Giáo dục thể chất 3*	X							X					X		
8	CB040	Triết học Mác - Lênin	X							X					X		
9	CB041	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	X							X					X		
10	CB042	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X							X					X		
11	CB043	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X							X					X		

Học phần			Chuẩn đầu ra (K-S-C)														
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm		
			K1	K2	K3	K4	K5	K6	S1	S2	S3	S4	S5	S6	C1	C2	C3
TT	Mã HP	Tên học phần															
12	CB044	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	X							X					X		
13	CB049	Đổi mới sáng tạo và Khởi nghiệp	X							X					X	X	X
14	CB039	Cơ sở văn hóa Việt Nam	X							X					X		
15	CB012	Kỹ năng giao tiếp	X							X					X		
16	KL001	Logic học đại cương	X							X					X		
17	CB038	Tiếng việt thực hành	X							X					X		
18	KL002	Tâm lý học đại cương	X							X					X		
19	CB005	Văn bản và lưu trữ đại cương	X							X					X		
20	TT092	Tin học căn bản	X						X	X					X		
21	CB023	Anh văn căn bản 1		X					X	X					X		
22	NN052	Tiếng nhật căn bản 1															
23	CB024	Anh văn căn bản 2		X					X	X					X		
24	NN053	Tiếng nhật căn bản 2															
25	CB025	Anh văn căn bản 3		X					X	X					X		
26	NN054	Tiếng nhật căn bản 3															

Học phần			Chuẩn đầu ra (K-S-C)														
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm		
K1	K2	K3	K4	K5	K6	S1	S2	S3	S4	S5	S6	C1	C2	C3			
TT	Mã HP	Tên học phần															
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp																	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành																	
27	KL003	Lý luận nhà nước và pháp luật	X	X					X						X		
28	KL004	Lịch sử các học thuyết pháp lý	X	X					X						X		
29	KL005	Luật Hiến pháp	X	X					X						X		
30	KL006	Luật so sánh	X	X					X						X		
31	KL007	Luật dân sự 1	X		X		X		X		X				X		
32	KL008	Luật hình sự 1	X		X		X		X		X				X		
33	KL009	Luật hành chính	X		X		X		X						X		
34	KL010	Luật lao động	X	X	X		X		X		X				X		
35	KL011	Luật đất đai	X	X	X		X		X		X				X		
36	KL012	Luật môi trường	X	X	X		X		X						X		
37	KL013	Luật thương mại	X	X	X		X		X		X				X		
38	KL014	Luật tài chính nhà nước	X	X	X				X						X		

Học phần			Chuẩn đầu ra (K-S-C)														
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm		
K1	K2	K3	K4	K5	K6	S1	S2	S3	S4	S5	S6	C1	C2	C3			
TT	Mã HP	Tên học phần															
39	KL015	Phương pháp nghiên cứu khoa học luật	X	X	X	X					X				X		
40	KL016	Kỹ năng soạn thảo văn bản			X	X		X		X		X			X		
41	KL017	Anh văn chuyên ngành Luật			X	X	X								X		
42	KL018	Tâm lý học tư pháp			X	X									X		
2.2. Kiến thức bắt buộc																	
43	KL019	Luật dân sự 2	X	X	X		X		X		X				X		
44	KL020	Luật hình sự 2	X	X	X		X		X		X				X		
45	KL021	Luật hôn nhân và gia đình	X	X	X		X		X						X		
46	KL022	Luật tổ tụng dân sự	X	X	X		X		X						X		
47	KL023	Luật tổ tụng hình sự	X	X	X		X		X						X		
48	KL024	Luật tổ tụng hành chính	X	X	X		X		X						X		
49	KL025	Luật thương mại quốc tế			X		X		X		X				X		
50	KL026	Công pháp quốc tế			X		X		X		X				X		
51	KL027	Tư pháp quốc tế			X		X		X		X				X		

Học phần			Chuẩn đầu ra (K-S-C)														
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm		
			K1	K2	K3	K4	K5	K6	S1	S2	S3	S4	S5	S6	C1	C2	C3
TT	Mã HP	Tên học phần															
52	KL028	Luật đầu tư			X		X		X		X				X		
53	KL029	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	X	X	X		X		X		X				X		
54	KL030	Pháp luật về quy hoạch và giải phóng mặt bằng			X		X		X		X				X		
55	KL031	Lý luận pháp luật về quyền con người	X						X						X		
56	KL032	Luật thuế			X		X		X		X				X		
57	KL033	Luật Phòng chống tham nhũng	X						X						X		
58	KL034	Luật Ngân hàng			X		X		X		X				X		
59	KL035	Pháp luật về giao dịch bảo đảm			X		X		X						X		
60	KL036	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng				X		X		X		X	X		X		
61	KL037	Kỹ năng tư vấn pháp luật				X		X		X		X	X		X		
2.3. Kiến thức tự chọn																	
62	KL038	Luật chứng khoán			X		X		X						X		

Học phần			Chuẩn đầu ra (K-S-C)														
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm		
			K1	K2	K3	K4	K5	K6	S1	S2	S3	S4	S5	S6	C1	C2	C3
TT	Mã HP	Tên học phần															
63	KL039	Pháp luật về kinh doanh bất động sản			X		X	X	X						X		
64	KL040	Luật thương mại điện tử			X		X		X		X				X		
65	KL041	Pháp luật công chứng - luật sư - thừa phát lại - đấu giá			X				X				X		X		
66	KL042	Đạo đức nghề luật	X			X									X		
67	KL043	Luật hình sự quốc tế			X		X	X	X						X		
68	KL044	Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm			X				X						X		
69	KL045	Luật An ninh mạng			X	X			X						X		
70	KL046	Pháp luật về trọng tài thương mại			X				X						X		
71	KL047	Luật Đấu thầu			X				X						X		
72	KL048	Thực hành nghề luật	X			X	X	X		X		X	X		X		
2.3. Thực tập, khóa luận tốt nghiệp và học phần thay thế																	

Học phần			Chuẩn đầu ra (K-S-C)														
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm		
			K1	K2	K3	K4	K5	K6	S1	S2	S3	S4	S5	S6	C1	C2	C3
TT	Mã HP	Tên học phần															
73	KL049	Khóa luận tốt nghiệp	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X		X		
74	KL050	Thực tập tốt nghiệp	X	X	X	X	X	X		X			X		X		
Các học phần thay thế																	
75	KL051	Pháp luật về an sinh xã hội			X		X		X						X		
76	KL052	Pháp luật về hộ tịch			X		X		X						X		
77	KL053	Pháp luật về kinh doanh dịch vụ Logistics			X		X		X						X		
78	KL054	Pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ			X		X		X						X		
79	KL055	Nghiệp vụ tòa án			X		X	X							X		

14. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (DỰ KIẾN)

Kế hoạch giảng dạy (dự kiến) như sau:

Bảng 8. Kế hoạch giảng dạy năm học 1

Học kỳ 1				Học kỳ 2			Học kỳ hè		
STT	Học phần	Số TC	Số TC tích lũy	Học phần	Số TC	Số TC tích lũy	Học phần	Số TC	Số TC tích lũy
1	Triết học Mác - Lênin	3	3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	GDQP&AN 1*	2	
2	Lý luận nhà nước và pháp luật	4	4	Luật dân sự 1	2	2	GDQP&AN 2 *	2	
3	Lịch sử các học thuyết pháp lý	2	2	Luật hình sự 1	3	3	GDQP&AN 3 *	2	
4	Anh văn căn bản 1	4	4	Logic học đại cương	2	2	GDQP&AN 4 *	2	
5	Tiếng nhật căn bản	4		Anh văn căn bản 2	3	3	Giáo dục thể chất 1, 2, 3*	3	
6	Luật hành chính	3	3	Tiếng nhật căn bản	3				
6				Luật Hiến pháp	2	2			
7				Tiếng Việt thực hành	2	2			
8				Tâm lý học đại cương	2				
				Văn bản và lưu trữ đại cương	2				
	Cộng		16	Cộng		16	Cộng	11	

Bảng 9. Kế hoạch giảng dạy năm học 2

TT	Học kỳ 3			Học kỳ 4			Học kỳ hè		
	Học phần	Số TC	Số TC tích lũy	Học phần	Số TC	Số TC tích lũy	Học phần	Số TC	Số TC tích lũy
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2			
2	Luật dân sự 2	2	2	Luật thương mại	3	3			
3	Luật hình sự 2	2	2	Luật Thuế	3	3			
4	Luật hôn nhân và gia đình	2	2	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	3	3			
5	Luật lao động	3	3	Luật đầu tư	2	2			
6	Anh văn căn bản 3	3	3	Luật tổ tụng hành chính	2	2			
7	Tin học căn bản	2	2	Đổi mới sáng tạo và Khởi nghiệp	2	2			
8				Cơ sở văn hóa Việt Nam	2				
9				Kỹ năng giao tiếp	2				
	Cộng		16	Cộng		17			

Bảng 10. Kế hoạch giảng dạy năm học 3

TT	Học kỳ 5			Học kỳ 6			Học kỳ hè		
	Học phần	Số TC	Số TC tích lũy	Học phần	Số TC	Số TC tích lũy	Học phần	Số TC	Số TC tích lũy
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	Pháp luật về phòng chống tham nhũng	2	2			
	Luật tài chính nhà nước	2	2	Luật thương mại quốc tế	3	3			
2	Luật Ngân hàng	3	3	Luật tổ tụng dân sự	3	3			
3	Công pháp quốc tế	2	2	Luật tổ tụng hình sự	3	3			
4	Luật đất đai	3	3	Kỹ năng soạn thảo văn bản	2	2			
5	Luật so sánh	2	2	Anh văn chuyên ngành Luật	2				
6	Luật môi trường	2	2	Tâm lý học tư pháp	2				
7	Lý luận và pháp luật về quyền con người	2	2	Thực hành nghề luật	2	4			
8	Phương pháp nghiên cứu khoa học luật	2	2	Luật An ninh mạng	2				
9				Pháp luật về trọng tài thương mại	2				
10				Đạo đức nghề luật	2				
	Cộng		20	Cộng		17			

Bảng 11. Kế hoạch giảng dạy năm học 4

TT	Học kỳ 7			Học kỳ 8			Học kỳ hè		
	Học phần	Số TC	Số TC tích lũy	Học phần	Số TC	Số TC tích lũy	Học phần	Số TC	Số TC tích lũy
1	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	3	3	Thực tập tốt nghiệp	10	10			
2	Tư pháp quốc tế	2	2	Khóa luận tốt nghiệp	10				
3	Pháp luật về giao dịch bảo đảm	2	2	Pháp luật về an sinh xã hội	2				
4	Pháp luật về quy hoạch và giải phóng mặt bằng	2	2	Pháp luật về hộ tịch	2				
5	Kỹ năng tư vấn pháp luật	3	3	Pháp luật về kinh doanh dịch vụ Logistics	2				
	Luật chứng khoán	2	2	Pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ	2				
6	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	2		Nghiệp vụ tòa án	2				
7	Luật thương mại điện tử	2							
8	Pháp luật công chứng - luật sư - thừa phát lại - đấu giá	2	4						
9	Luật Đấu thầu	2							
10	Luật hình sự quốc tế	2							
11	Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm	2							
	Cộng		18	Cộng		10			

15. PHƯƠNG PHÁP DẠY

15.1. Phương pháp nghiên cứu trường hợp (Case Study)

Mô tả phương pháp

Là phương pháp sử dụng một sự kiện hoặc chuỗi sự kiện có thật hoặc tình huống giả định được xây dựng trên sự kiện thực tế để minh chứng cho một vấn đề hay một số vấn đề. Đôi khi nghiên cứu trường hợp có thể thực hiện bằng các phương tiện nghe nhìn (âm thanh, video,...) mà không cần trên văn bản viết.

Cách thức thực hiện

- Giảng viên lựa chọn một câu chuyện thực tế.
- Người học sẽ được chia theo nhóm để thảo luận các vấn đề được nêu trong câu chuyện.
- Các câu chuyện thực tế được lựa chọn cần phải đảm bảo: Thực tế; Phức tạp; Nguồn thông tin để xây dựng bối cảnh tình huống phải phong phú và đa dạng; Liên quan đến một tình huống hoặc một vấn đề có tính chất phức tạp, chứa đựng mâu thuẫn và có nhiều giải pháp khác nhau yêu cầu người học phải thảo luận để đưa ra quyết định cuối cùng.

Lợi ích

- Phát triển kỹ năng làm việc nhóm.
- Phát triển tư duy phản biện.
- Thu hẹp khoảng cách giữa lý thuyết và thực tiễn.
- Tạo môi trường mô phỏng thực tế giúp người học trao đổi kinh nghiệm, kiến thức để học hỏi lẫn nhau.

Cách thức đánh giá

- Thông qua bài thuyết trình hoặc bài tiểu luận.
- Thông qua các câu hỏi mở hoặc các bài tập yêu cầu kỹ năng làm việc nhóm và chia sẻ nguồn tài liệu.

15.2 Phương pháp phát vấn (Socratic Method)

Mô tả phương pháp

Là quá trình tương tác giữa người dạy và người học, được thể hiện thông qua hệ thống câu hỏi và câu trả lời tương ứng về một chủ đề nhất định được người dạy đặt ra. Có 3 hình thức vấn đáp cơ bản là vấn đáp tái hiện, vấn đáp giải thích minh họa và vấn đáp tìm tòi.

Cách thức triển khai

- Xác định vấn đề cần vấn đáp.
- Dự kiến nội dung các câu hỏi, hình thức hỏi, thời điểm đặt câu hỏi và trình tự câu hỏi.
- Hướng dẫn người học vấn đáp.

Lợi ích của phương pháp

- Kích thích tư duy độc lập của người học.
- Tạo môi trường học tập sôi nổi, sinh động và kích thích hứng thú học tập của người học.
- Rèn luyện năng lực biểu đạt của người học.

Cách thức đánh giá

Thông qua hệ thống câu hỏi đã chuẩn bị trước.

15.3 Phương pháp thuyết trình tích cực (Active Lecturing)

Mô tả phương pháp

Phương pháp này có sự phối hợp giữa hành động của người dạy và người học, bao gồm: quá trình lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá giờ học.

Người dạy sẽ đưa ra các tình huống và chỉ dẫn những công cụ để có thể giải quyết vấn đề. Người dạy chỉ có vai trò là người tư vấn chứ không giải đáp vấn đề.

Người học phải có vai trò nhiều hơn trong quá trình học tập của mình và tự điều khiển kết quả.

Cách thức triển khai

- Xác định kiến thức nền của người học liên quan đến nội dung bài giảng bằng cách đặt câu hỏi thu thập thông tin.
- Chia người học thành các nhóm nhỏ hoặc các đôi.
- Đặt câu hỏi hoặc đưa ra vấn đề liên quan đến nội dung bài giảng để người học suy nghĩ trong buổi học.
- Cung cấp dàn ý nội dung bài giảng buổi học.
- Tiến hành giảng bài. Mỗi 15-20 phút giảng sẽ có 5 phút dành cho người học trao đổi với nhóm hoặc đặt câu hỏi.
- Cuối buổi giảng có thể yêu cầu người học dành 1-2 phút làm bài tập nhanh, trong đó ghi ra nội dung chính của bài giảng, nội dung chưa hiểu cần được giảng lại. Hoặc người học tham gia vào buổi thảo luận để giải quyết câu hỏi/vấn đề đặt ra ở đầu buổi.

Lợi ích của phương pháp

- Giúp người học tiếp cận nhanh chóng với các thông tin và kiến thức mới có tính phức tạp mà người học không thể tự lĩnh hội.
- Người học có thể tiếp cận với những thông tin chưa được phổ biến.

Cách thức đánh giá

- Đánh giá tổng thể.
- Đánh giá quá trình.

15.4 Phương pháp giải quyết vấn đề (Problem Solving)

Mô tả phương pháp

Là phương pháp trong đó người dạy tạo ra những tình huống chứa đựng vấn đề, hướng dẫn người học phát hiện vấn đề, hoạt động tự giác, tích cực, chủ động, sáng tạo

để giải quyết vấn đề và thông qua đó lĩnh hội tri thức, rèn luyện kỹ năng và đạt được những mục đích học tập khác.

Cách thức thực hiện

- Đưa ra tình huống có chứa vấn đề cần giải quyết.
- Phân tích vấn đề để đề xuất hướng giải quyết.
- Trình bày và phân tích các giải pháp.
- Lựa chọn giải pháp phù hợp và đúng đắn nhất.

Lợi ích của phương pháp

- Rèn luyện tư duy phản biện và sáng tạo của người học.
- Phát triển khả năng tìm tòi và xem xét vấn đề từ nhiều góc độ khác nhau.

Cách thức đánh giá

Kỹ năng làm việc nhóm.

15.5. Phiên Tòa giả định (Moot Court)

Mô tả phương pháp

Phiên tòa giả định là phương pháp giáo dục và tuyên truyền pháp luật bằng cách tái hiện một phiên tòa thực tế, bao gồm các thành phần như Hội đồng xét xử, luật sư, bị cáo, nhân chứng... Mục đích của phương pháp này là giúp người học hiểu rõ hơn về các quy định pháp luật, quá trình xét xử, và hậu quả của việc vi phạm pháp luật.

Cách thức thực hiện

- Lựa chọn vụ án: Chọn một vụ án điển hình hoặc có tính thời sự để mô phỏng.
- Lập kịch bản: Xây dựng kịch bản phiên tòa, bao gồm diễn biến của vụ án, các câu hỏi, tranh luận, và các chứng cứ liên quan.
- Sắp xếp các vai trò: Xác định vai trò của từng người tham gia, bao gồm Hội đồng xét xử, luật sư, bị cáo, nhân chứng, và người tham gia khán giả.
- Thực hiện phiên tòa: Tổ chức phiên tòa theo đúng trình tự của một phiên tòa thật, bao gồm thủ tục xét hỏi, tranh luận, nghị án và tuyên án.
- Giao lưu, giải đáp: Sau khi kết thúc phiên tòa, tổ chức phần giao lưu, giải đáp thắc mắc của người tham gia.

Lợi ích của phương pháp

- Tăng cường hiểu biết về pháp luật: Giúp người học hiểu rõ hơn về các quy định pháp luật, quá trình xét xử, và hậu quả của việc vi phạm pháp luật.
- Rèn luyện kỹ năng: Tạo điều kiện cho người học rèn luyện kỹ năng tranh luận, lập luận, và thuyết trình.
- Tăng cường tính trực quan: Phiên tòa giả định mang tính trực quan, giúp người học dễ dàng tiếp thu và ghi nhớ kiến thức.

- Tạo tính rắn đề: Giúp người học nhận thức rõ hơn về hậu quả của việc vi phạm pháp luật, từ đó nâng cao ý thức chấp hành pháp luật.

Cách thức đánh giá

- Hồ sơ diễn án.
- Thực hành tại buổi diễn.

16. PHƯƠNG PHÁP HỌC

16.1 Tự học (Self Study)

Mô tả phương pháp

Tự học là phương pháp người học tự lĩnh hội kiến thức thông qua nhiều cách khác nhau mà không có sự giám sát, hỗ trợ trực tiếp của người dạy hoặc không tham dự lớp học.

Cách thức thực hiện

- Đặt mục tiêu thực tế, phù hợp với năng lực và điều kiện của người học.
- Tìm ra phương pháp học tập phù hợp với bản thân người học.
- Ôn lại nội dung đã học trong cùng ngày.
- Chia nhỏ thời gian các buổi tự học và tiến hành đều đặn.
- Xây dựng và duy trì môi trường tự học.

Lợi ích của phương pháp

- Phát triển khả năng vận dụng tư duy độc lập của người học.
- Giúp người học khám phá được lĩnh vực kiến thức mà họ hứng thú và đam mê.

16.2 Thuyết trình (Presentation)

Mô tả phương pháp

Thuyết trình là hình thức người học được yêu cầu trình bày và phân tích về một đề tài cụ thể nào đó. Người học có thể thuyết trình theo hình thức cá nhân hoặc nhóm. Bài thuyết trình có thể có hoặc không sử dụng trình chiếu hình ảnh.

Cách thức thực hiện

- Cung cấp cho người học danh sách các đề tài/vấn đề để người học lựa chọn với các yêu cầu cụ thể về bài thuyết trình, bao gồm thời gian, hình thức cá nhân hay nhóm, độ dài, câu hỏi thảo luận.
- Hướng dẫn, cung cấp thông tin liên quan đến đề tài cho người học, ví dụ: nguồn thông tin tài liệu tham khảo, nội dung và cách thức thuyết trình, quy định về slides trình bày.
- Yêu cầu người nghe chuẩn bị câu hỏi thảo luận liên quan đề tài thuyết trình.
- Sinh viên trình bày và điều phối buổi thảo luận.
- Nhận xét, đánh giá về bài thuyết trình và phản thảo luận.

Lợi ích của phương pháp

- Truyền tải những thông tin phức tạp bằng cách đơn giản và thú vị để thu hút sự chú ý của người nghe.

- Phát triển sự tự tin của người học.

- Phát triển những kỹ năng có tính thực tiễn cao. Ví dụ: khả năng trình bày những thành tựu và kỹ năng cá nhân trong phỏng vấn xin việc.

Cách thức đánh giá

Bài thuyết trình.

16.3 Làm việc nhóm (Teamwork)

Mô tả phương pháp

Làm việc nhóm là hình thức dạy học yêu cầu người học tham gia vào các hoạt động học tập bằng cách làm việc cùng nhau trong một nhóm với khoảng thời gian xác định về một vấn đề nào đó để có được kết quả chung.

Cách thức thực hiện

- Xác định mục tiêu kiến thức và kỹ năng người dạy muốn người học lĩnh hội

- Đưa ra câu hỏi/nhiệm vụ/bài tập có tính thử thách.

- Chia người học thành các nhóm nhỏ và giao nhiệm vụ cụ thể cho từng nhóm. Giải thích rõ yêu cầu của nhiệm vụ cũng như nêu rõ quy định phương thức làm việc nhóm.

- Dành thời gian cho các nhóm làm việc.

- Đề các nhóm trình bày kết quả làm việc.

- Yêu cầu người học phản hồi về quá trình làm việc nhóm.

Lợi ích của phương pháp

- Tạo môi trường học tập thú vị nhằm kích thích người học chủ động tham gia học tập và nghiên cứu.

- Phát triển tư duy phản biện, kỹ năng giao tiếp và kỹ năng ra quyết định và tăng cường sự chia sẻ, trao đổi kiến thức và quan điểm giữa người học với nhau.

- Giúp người học tiếp cận với những quan điểm khác nhau về cùng một vấn đề.

Cách thức đánh giá

- Đánh giá đồng đẳng giữa các nhóm và/hoặc giữa các thành viên trong cùng nhóm.

- Đánh giá của người dạy dựa trên kết quả trình bày của nhóm và quy trình làm việc nhóm.

16.4 Thực tập (Internship)

Mô tả phương pháp

Thực tập là chiến lược học tập kết hợp giữa kiến thức lý thuyết được giảng dạy chính quy tại trường và kinh nghiệm thực tiễn được giám sát, hướng dẫn tại nơi làm việc giúp người học củng cố kiến thức và phát triển các kỹ năng cần thiết trong môi trường thực tế.

Cách thức thực hiện

- Cung cấp cho người học hướng dẫn và quy định cụ thể về kỳ thực tập.
- Hỗ trợ và giúp đỡ người học trong việc tìm địa điểm thực tập.
- Phân công giảng viên và cán bộ hướng dẫn thực tập cho người học, đảm bảo người học được giám sát và hỗ trợ tối đa trong suốt kỳ thực tập.
- Yêu cầu người học nộp báo cáo quá trình và kết quả vào cuối kỳ thực tập.

Lợi ích của phương pháp

- Tạo cơ hội cho người học vận dụng những kiến thức đã học vào công việc thực tế.
- Cung cấp cho người học những trải nghiệm thực sự liên quan đến các vấn đề cơ bản của môi trường làm việc như đạo đức công việc, tính đa dạng trong công việc, khả năng lãnh đạo dựa trên giá trị, quản trị xung đột, quản trị thay đổi và khả năng lãnh đạo.
- Phát triển kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp liên nhân của người học.

Cách thức đánh giá

- Bài luận.
- Bài báo cáo.

16.5 Bài luận (Written Assignments)

Mô tả phương pháp

Bài luận là một bài tóm lược ngắn có tính thực tế cao, nhằm diễn tả, sàng lọc, chứng minh hay phân tích một đề tài nào đó. Viết luận là một hình thức học dựa trên việc đọc và nghiên cứu tài liệu. Viết luận có khả năng thể hiện được quá trình học và tư duy của người học, từ đó kích thích nhu cầu học hỏi của người học.

Cách thức thực hiện

- Cung cấp cho người học danh sách các đề tài/vấn đề để người học lựa chọn với các yêu cầu cụ thể về bài luận.
- Hướng dẫn, cung cấp thông tin liên quan đến đề tài cho người học, ví dụ: nguồn thông tin tài liệu tham khảo, cách triển khai vấn đề, quy trình viết luận.
- Tạo cơ hội cho người học luyện tập những kỹ năng cần thiết cũng như bổ sung kiến thức để viết luận.
- Đánh giá, phản biện, nhận xét về bài luận.

Lợi ích của phương pháp

- Giúp người dạy biết được mức độ người học hiểu các nội dung lý thuyết giảng dạy trên lớp.
- Giúp người học phát triển một số kỹ năng bao gồm kỹ năng tóm tắt, so sánh, mô tả, thu thập dữ liệu, phân tích và đọc dữ liệu.

Cách thức đánh giá

Bài luận.

17. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Quy định về kiểm tra đánh giá được thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ Đại học của trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ.

Quy định về hình thức kiểm tra đánh giá: Mỗi học phần, sinh viên được đánh giá tối thiểu hai điểm thành phần, được đánh giá theo thang điểm 10.

- Giữa kỳ: 40%

- Cuối kỳ: 60%

Bảng 12. Tổng hợp các phương pháp kiểm tra - đánh giá

TT	Mã pp	Hình thức đánh giá	Tiếng Anh	Mô tả phương pháp đánh giá
1	A1	Đánh giá chuyên cần	Attendance Check	Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của sinh viên cũng như những đóng góp của sinh viên vào các hoạt động trên lớp trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với khóa học.
2	A2	Đánh giá bài tập trên lớp	In-class participation	Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến hoạt động trong giờ học hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.
3	A3	Bài tập trên elearning	Elearning platform assignment	Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập bổ trợ trên nền tảng elearning với các mốc thời gian cụ thể theo tuần.
4	A4	Đánh giá bài tiểu luận	Written essay/assignment	Sinh viên được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ/hình ảnh trong báo cáo.
5	A5	Đánh giá thuyết trình	Oral Presentation	Sinh viên được yêu cầu yêu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này không những giúp sinh viên đạt được những kiến thức chuyên ngành mà còn giúp sinh viên phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.
6	A6	Kiểm tra trắc nghiệm	Multiple choice exam	Sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế và in sẵn trong đề thi.

4/AN
NG
QC
IAT
GH
TO
DH

TT	Mã pp	Hình thức đánh giá	Tiếng Anh	Mô tả phương pháp đánh giá
7	A7	Kiểm tra tự luận	Essay	Sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp đánh giá này là thang 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.
8	A8	Báo cáo thực tập	Intemship report	Sinh viên viết báo cáo tiến độ và nội dung công việc trong suốt khoảng thời gian thực tập để phản ánh công việc thực hiện và rút kinh nghiệm trong trải nghiệm học tập.
10	A9	Đánh giá làm việc nhóm	Teamwork Assessment	Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên.
11	A10	Phiên Tòa giả định	Moot Court	Sinh viên được hóa thân vào các vai diễn. Chọn một vụ án có thật hoặc vụ án được xây dựng để minh họa cho kiến thức pháp luật đang được học, tìm hiểu kỹ về vụ án, luật pháp liên quan, và chuẩn bị các lập luận để tranh luận, bằng chứng, và câu hỏi để sử dụng trong phiên tòa.
12	A11	Đánh giá khóa luận tốt nghiệp	Graduation thesis	Khóa luận tốt nghiệp của sinh viên được đánh giá theo các tiêu chí cụ thể.

P. HIỆU TRƯỞNG

Trương Minh Nhật Quang

P. ĐÀO TẠO

Nguyễn Minh Tuấn

Cần Thơ, ngày 18 tháng 12 năm 2022
KHOA KHOA HỌC XÃ HỘI
TRƯỞNG KHOA

Lưu Thu Thủy